



**Nhà Pháp luật  
Việt - Pháp**

**“Những vấn đề cơ bản  
về Liên minh Châu Âu  
và pháp luật  
cộng đồng Châu Âu”**

JEAN-MARC FAVRET

0 1 2 0 0 2



**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN**

*Cuốn sách này được xuất bản với sự hỗ trợ tài chính của  
Trung tâm văn hoá và hợp tác, Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội.*

---

# **Nhà Pháp luật Việt-Pháp**

“Những vấn đề cơ bản  
về Liên minh Châu Âu  
và pháp luật  
cộng đồng Châu Âu”

L'essentiel de  
l'Union européenne  
et du droit communautaire

JEAN-MARC FAVRET

Người dịch: Trương Quang Dũng

---

H Æ N Ò I 2 0 0 2

# L ờ i g i ớ i t h i ệ u

Nhà Pháp luật Việt-Pháp là một tổ chức hợp tác pháp luật song phương. Một trong những nhiệm vụ của Nhà Pháp luật là phổ biến kiến thức, thông tin pháp luật thông qua hoạt động của trung tâm tư liệu và các xuất bản phẩm. Hiện nay, Nhà Pháp luật đang thực hiện chương trình xuất bản một bộ sách pháp luật dành cho sinh viên và luật gia Việt Nam. Trên cơ sở xuất bản các cuốn sách này bằng tiếng Việt với một mức giá hợp lý, Nhà Pháp luật mong muốn tạo điều kiện cho bạn đọc dễ dàng tiếp cận các tài liệu tham khảo cơ bản và hữu ích để trau dồi kiến thức. Nhà Pháp luật Việt-Pháp xin chân thành cảm ơn các Nhà xuất bản và các cơ quan hữu quan của Việt Nam đã góp phần thực hiện thành công công việc này.

Bốn cuốn sách đầu tiên đã được xuất bản trong bộ sách gồm 15 cuốn sách này :

- Những nội dung cơ bản của công pháp quốc tế và pháp luật về quan hệ quốc tế. Các tác giả Catherine ROCHE và Aurélie POTOT-NICOL
- Những vấn đề cơ bản về Liên minh châu Âu và pháp luật cộng đồng. Tác giả Jean-Marc FAVRET.
- Đại cương về pháp luật hợp đồng. Tác giả Corinne RENAULT-BRAHINSKY.
- Nhập môn luật học. Tác giả Jean-Claude RICCI

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2002

**Nguyễn Văn Bình**  
Giám đốc

**Joël Sollier**  
Phó Giám đốc

---

© NXB Gualino, 2001-2002. Mọi hành vi sao chép toàn bộ hoặc một phần cuốn sách này dưới mọi hình thức, mà không có sự cho phép của tác giả, nhà xuất bản hoặc Trung tâm khai thác bản quyền Pháp (CFC, số 3 phố Hautefeuille, 75006 Paris), đều bị coi là trái pháp luật và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## L'ờ i n ó i đầ u

*Trong số rất nhiều tác phẩm viết về quá trình xây dựng Liên minh Châu Âu, cuốn “Những vấn đề cơ bản về Liên minh Châu Âu và pháp luật cộng đồng Châu Âu” của Jean-Marc FAVRET<sup>(1)</sup> nổi bật hơn tất cả vì được trình bày mạch lạc và dễ sử dụng.*

*Thông qua 20 chương của cuốn sách này, Jean-Marc FAVRET sẽ giúp độc giả nắm bắt được những nét đặc trưng độc đáo của hệ thống pháp luật cộng đồng Châu Âu. Với nguyên tắc đã được công nhận về giá trị pháp lý cao hơn và cùng với hệ thống án lệ của Toà án Luxembourg, những nét đặc trưng đó của pháp luật cộng đồng Châu Âu chính là đảm bảo tốt nhất cho sự bền lâu, tính hiệu quả và sự gắn bó chặt chẽ của pháp luật cộng đồng Châu Âu.*

*Cuốn sách này còn cung cấp cho độc giả một số thông tin tuy sơ lược nhưng rất bổ ích về 15 nước thành viên Liên minh, về các bước cơ bản trong quá trình xây dựng Liên minh Châu Âu, về các chính sách và hành động chung của Liên minh.*

*Jean-Marc FAVRET là Phó trưởng Ban Pháp luật của Cơ quan Tổng thư ký thuộc Ủy ban liên Bộ về các vấn đề hợp tác trong Liên minh Châu Âu (SGCI), cơ quan có nhiệm vụ chủ yếu trong công tác xây dựng và thực hiện các chính sách của Pháp, nếu như từ trước tới nay ít người biết đến*

---

<sup>(1)</sup> Jean-Marc FAVRET là Phó giáo sư, giảng viên luật công pháp tại Viện nghiên cứu chính trị Bordeaux - trường Đại học Bordeaux IV.

vai trò của cơ quan này thì nay được trình bày khá rõ ràng trong cuốn sách này: Jean-Marc FAVRET đã biết kết hợp giữa kiến thức kỹ thuật của một chuyên gia với cách nhìn nhận từ phía một người công dân.

Liệu chúng ta có phải tiếc vì cuốn "Những vấn đề cơ bản về Liên minh Châu Âu" của Jean-Marc FAVRET chỉ dành một phần hạn chế để nói về hai trụ cột liên chính phủ của Liên minh Châu Âu? Hai trụ cột này được đưa vào bên cạnh trụ cột cộng đồng, quy định tại Hiệp ước Maastricht<sup>(2)</sup>, gồm các chính sách hợp tác trong lĩnh vực đối ngoại - an ninh chung và lĩnh vực nội vụ - tư pháp. Sở dĩ tác giả chỉ trình bày một cách sơ lược trong chương nói về các chính sách và hành động chung là vì sự hợp tác trong lĩnh vực này đã tỏ ra hoàn toàn không hiệu quả, kể từ khi Hiệp ước về Liên minh Châu Âu bắt đầu có hiệu lực tháng 11 năm 1993, như thể các nước thành viên Liên minh muốn chứng minh rằng phương thức hợp tác theo cơ chế cộng đồng là không thể thiếu được; cơ chế này được xây dựng dựa trên nguyên tắc Ủy ban là cơ quan giữ độc quyền trong việc đề xuất sáng kiến soạn thảo văn bản, Hội đồng thường thông qua các quyết định theo đa số tuyệt đối và với sự tham gia của Nghị viện Châu Âu (theo nguyên tắc "hợp tác" hay "đồng quyết") và dưới sự kiểm tra giám sát của Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu.

Trí óc của con người chưa đủ chín muồi để có thể rút ra hệ quả từ những thất bại đó như chúng ta đã được thấy trong quá trình tiến hành đàm phán hiệp ước Amsterdam.

Xin dám chắc rằng với mong muốn đảm bảo sự bền vững và sự thành công của Liên minh kinh tế và tiền tệ thông qua những tiến bộ thực sự để tiến tới xây dựng một liên minh chính trị - xã hội, Châu Âu sẽ mở rộng hơn nữa hình thức hợp tác cộng đồng trong tất cả các lĩnh vực trong đó các nước thành viên quyết tâm thúc đẩy sự đoàn kết, nghĩa là cùng nhau thực hiện chủ quyền của họ.

<sup>(2)</sup> Xem Chương 2, Hiệp ước Maastricht ngày 7 tháng 2 năm 1992.

## Danh mục một số từ viết tắt

ACP	:	Khối các nước thuộc khu vực châu Phi - Caribe - Thái Bình Dương
AELE	:	Hiệp hội Châu Âu về tự do mậu dịch
BCE	:	Ngân hàng trung ương Châu Âu
BEI	:	Ngân hàng đầu tư Châu Âu
BERD	:	Ngân hàng tái thiết và phát triển Châu Âu
CECA	:	Cộng đồng than thép Châu Âu
CED	:	Cộng đồng phòng thủ Châu Âu
CEE	:	Cộng đồng kinh tế Châu Âu
CEEA hay Euratom	:	Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu
CES	:	Ủy ban kinh tế-xã hội

CJCE	:	Toà án công lý của các Cộng đồng Châu Âu
COREPER	:	Ủy ban đại diện thường trực của Hội đồng Liên minh Châu Âu
CR	:	Ủy ban các vùng
EEE	:	Không gian kinh tế Châu Âu
FEDER	:	Quỹ phát triển các vùng của Liên minh Châu Âu
FEOGA	:	Quỹ định hướng phát triển và bảo đảm nông nghiệp
FSE	:	Quỹ xã hội của Liên minh Châu Âu
IFOP	:	Quỹ định hướng phát triển ngư nghiệp
IME	:	Viện tiền tệ Châu Âu
JAI	:	Hợp tác trong lĩnh vực nội vụ và tư pháp
JORF	:	Công báo của nước Cộng hoà Pháp
OCDE	:	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
PAC	:	Chính sách nông nghiệp chung
PECO	:	Các nước Trung và Đông Âu
PESC	:	Chính sách đối ngoại và an ninh chung

SEBC	:	Hệ thống các ngân hàng trung ương Châu Âu
SGCI	:	Cơ quan Tổng thư ký của Ủy ban liên Bộ về các vấn đề hợp tác kinh tế Châu Âu
SME	:	Hệ thống tiền tệ Châu Âu
TAIEX	:	Văn phòng thông tin và hỗ trợ kỹ thuật (thuộc Ủy ban Châu Âu)
TPI	:	Toà án sơ thẩm Liên minh Châu Âu
TUE	:	Hiệp ước về Liên minh Châu Âu
UEM	:	Liên minh kinh tế và tiền tệ
UEO	:	Liên minh các nước Tây Âu



# C h ư ơ n g 1

## **Giới thiệu về địa - chính trị của Liên minh Châu Âu**

Liên minh Châu Âu gồm 15 nước thành viên, trong đó:

- Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan và Luxembourg gia nhập ngày 1/1/1958;
- Vương quốc Anh, Ai-len và Đan Mạch, ngày 1/1/1973;
- Hy Lạp, ngày 1/1/1981;
- Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, ngày 1/1/1986;
- Áo, Thụy Điển và Phần Lan, ngày 1/1/1995.

**Diện tích:** 3.235.000 km<sup>2</sup>, tương đương 1/3 diện tích nước Mỹ, rộng gấp 9 lần diện tích của Nhật Bản.

**Dân số:** 377 triệu người, chiếm 6,5% dân số toàn cầu (5,7 tỷ người).

**Cờ của Liên minh Châu Âu:** có biểu tượng là một hình tròn được tạo thành từ 12 ngôi sao vàng trên nền xanh da trời. Ban đầu cờ này được Hội đồng Châu Âu lựa chọn, nhưng đến năm 1983 đã trở thành lá cờ chính thức của Cộng đồng Châu Âu. Số ngôi sao trên cờ vẫn luôn là 12, vì 12 được coi là con số tượng trưng cho sự hoàn thiện và sự sung túc.

**Châu Âu ca:** Khúc dạo đầu của Bài ca niềm vui (trước phần lời).

thuộc chương 4 trong bản giao hưởng số 9 của Beethoven, do H. Von Karajan biên tập. Bài ca này đã được Ban tư vấn của Hội đồng Châu Âu thông qua tháng 7 năm 1971, và tiếp đó Ủy ban các Bộ trưởng đã thông qua năm 1972.

**Pháp (thủ đô Paris):** 59,5 triệu dân - 551.602 km<sup>2</sup> - Chính thể Cộng hoà - Hiến pháp 1958 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - Chế độ nửa tổng thống, nửa nghị viện - 26 vùng (trong đó có 4 vùng hải ngoại)

**Đức (thủ đô Berlin):** 82 triệu dân - 375.050 km<sup>2</sup> - Chính thể Cộng hoà liên bang - Hiến pháp năm 1949 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - 16 bang.

**Italia (thủ đô Rôma):** 57 triệu dân - 301.278 km<sup>2</sup> - Chính thể Cộng hoà - Hiến pháp năm 1947 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - 20 vùng.

**Bỉ (thủ đô Bruxelles):** 10 triệu dân - 30.518 km<sup>2</sup> - Chính thể Quân chủ - Hiến pháp năm 1831 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - Ba vùng: Bruxelles, Flandre, Wallonie, chia thành 10 tỉnh.

**Hà Lan (thủ đô Amsterdam):** 16 triệu dân - 41.863 km<sup>2</sup> - Chính thể quân chủ - Hiến pháp năm 1983 - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - 12 tỉnh.

**Luxembourg (thủ đô Luxembourg):** 406.000 dân - 2.586 km<sup>2</sup> - Chính thể quân chủ - Hiến pháp năm 1868 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (một Viện) - 3 huyện.

**Vương Quốc Anh (thủ đô Luân Đôn):** 58 triệu dân - 244.110 km<sup>2</sup> - Chính thể quân chủ - Hiến pháp chủ yếu không thành văn - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - 4 tỉnh.

**Ai-len (thủ đô Dublin):** 3,5 triệu dân - 70.280 km<sup>2</sup> - Chính thể cộng hoà - Hiến pháp năm 1937 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - 26 quận.

**Đan Mạch (thủ đô Copenhagen):** 5 triệu dân - 43.070 km<sup>2</sup> - Chính thể quân chủ - Hiến pháp năm 1953 - Dân chủ nghị viện (một Viện) - 14 quận (Comté)

**Hy Lạp (thủ đô Athènes):** 10,5 triệu dân - 131.944 km<sup>2</sup> - Chính thể cộng hoà - Hiến pháp năm 1975 - Dân chủ nghị viện (một Viện) - 13 vùng hành chính.

**Tây Ban Nha (thủ đô Madrid):** 40 triệu dân - 504.782 km<sup>2</sup> - Chính thể quân chủ - Hiến pháp năm 1978 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - 17 cộng đồng tự chủ.

**Bồ Đào Nha (thủ đô Lisbonne):** 10 triệu dân - 92.389 km<sup>2</sup> - Chính thể cộng hoà - Hiến pháp năm 1976 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (một Viện) - 18 huyện.

**Áo (thủ đô Vienne):** 8 triệu dân - 83.949 km<sup>2</sup> - Chính thể cộng hoà liên bang - Hiến pháp năm 1920 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (hai Viện) - 9 tỉnh.

**Thụy Điển (thủ đô Stockholm):** 8,5 triệu dân - 449.964 km<sup>2</sup> - Chính thể quân chủ - Hiến pháp năm 1974 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (một Viện) - 24 tỉnh.

**Phần Lan (thủ đô Helsinki):** 5 triệu dân - 337.009 km<sup>2</sup> - Chính thể cộng hoà - Hiến pháp năm 1919 sửa đổi - Dân chủ nghị viện (Hội nghị chính trị) - 12 tỉnh.

## Chương 2

# Các mốc lớn trong tiến trình xây dựng Liên minh Châu Âu

**1946**

Ngày 19 tháng 9, trong bài diễn văn nổi tiếng của mình tại Zurich, Winston Churchill đã thể hiện mong muốn thành lập một “Hợp chúng quốc Châu Âu”, nhưng ông cũng khẳng định rằng nước Anh sẽ không tham gia vào cơ cấu đó.

**1948**

Ký Hiệp định thành lập Liên minh phương Tây (UO) giữa Pháp, Bỉ, Luxembourg, Hà Lan và Vương quốc Anh, nhằm thiết lập cơ chế hỗ trợ lẫn nhau trong trường hợp một trong số các nước thành viên bị xâm lược.

**1950**

- Trong bài diễn văn ngày 9/5/1950, Ngoại trưởng Pháp Robert Schuman đã đề nghị “*đặt nền công nghiệp sản xuất than và thép của Pháp và Đức dưới sự quản lý chung, thông qua một tổ chức mở cho phép các nước châu Âu khác tham gia*”. Schuman cho rằng: “*Châu Âu không thể được xây dựng một sớm một chiều, bằng một thiết chế tổng thể hình thành ngay lập tức mà phải được hình thành từng bước, thông qua những thành tựu cụ thể để tạo ra trước hết một sự liên kết trên thực tế*”.
- Tháng 11, R. Pleven, thủ tướng Chính phủ Pháp lúc bấy giờ, giới thiệu dự án xây dựng Cộng đồng phòng thủ Châu Âu (CED).

### 1951

Nhóm sáu nước đã thành lập Cộng đồng Than và Thép Châu Âu (CECA), gồm Pháp, Đức (Tây Đức), Bỉ, Italia, Luxembourg, Hà Lan (Hiệp ước Paris ngày 18/4/1951, có hiệu lực từ ngày 10/2/1953 với thời hạn hiệu lực là 50 năm). Jean Monnet được bầu làm chủ tịch đầu tiên của Cơ quan quản lý tối cao của CECA, được coi như tiền thân của Ủy ban trong khuôn khổ của Cộng đồng kinh tế Châu Âu (CEE) và Cộng đồng Châu Âu về năng lượng nguyên tử (Euratom).

### 1952

Tháng 5, ký Hiệp định thành lập Cộng đồng phòng thủ Châu Âu (CED). Hiệp định quy định các nước thành viên phải chuyển giao phần lớn các chính sách quốc phòng cho Cộng đồng phòng thủ Châu Âu mới được thành lập.

### 1954

- Ngày 30/8, Quốc hội Pháp không phê chuẩn Hiệp định về Cộng đồng phòng thủ Châu Âu, do đó Hiệp định đã bị lãng quên.
- Liên minh phương Tây (UO) trở thành Liên minh Tây Âu (UEO), tiếp nhận thêm hai nước thành viên mới là Đức và Italia.

### 1957

Ký các Hiệp định tại Rôma thành lập Cộng đồng kinh tế Châu Âu (CEE) và Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu (CEEA hay còn gọi là Euratom). Các Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 1/1/1958 và thời hạn hiệu lực không giới hạn.

### 1960

Thành lập Quỹ hoạt động xã hội Châu Âu (FSE) nhằm chi cho hoạt động đào tạo nghề nghiệp và tạo việc làm.

### 1962

Thiết lập chính sách trợ giúp phát triển các thị trường nông sản (nội dung thứ nhất của Chính sách nông nghiệp chung, PAC).

## 1965

Ngày 8/4, ký Hiệp định hợp nhất các cơ quan chấp hành của cả ba Cộng đồng.

## 1966

Ra "*Bản thông cáo Luxembourg*" ngày 30/1 nhằm tìm giải pháp thoát khỏi tình trạng "*khủng hoảng ghế trống*" năm 1965 (do cố bất đồng giữa Pháp với các nước thành viên khác trong việc chuyển sang áp dụng nguyên tắc đa số tuyệt đối để thông qua các quyết định về chính sách nông nghiệp, sau khi kết thúc giai đoạn quá độ); tìm kiếm sự đồng thuận khi một nước thành viên nào đó viện dẫn ra một lợi ích quốc gia "rất quan trọng" của họ. Văn bản này chỉ có giá trị về mặt chính trị chứ không có giá trị pháp lý.

## 1968

Liên minh thuế quan chung bắt đầu có hiệu lực.

## 1972

Thành lập chính sách về cơ cấu nông nghiệp (mảng thứ hai của Chính sách nông nghiệp chung, PAC).

## 1973

Anh, Ai-len và Đan Mạch gia nhập Cộng đồng. Na Uy từ chối gia nhập sau khi trưng cầu dân ý.

## 1974

Quyết định thể chế hoá hội nghị thượng đỉnh các nguyên thủ quốc gia (trở thành Hội đồng Châu Âu), theo sáng kiến của Tổng thống Pháp Giscard d'Estaing.

## 1975

- Hội đồng Châu Âu lần thứ nhất được tổ chức tại Dublin.
- Thành lập Quỹ phát triển các vùng của Châu Âu (FEDER), quỹ tài trợ cho các hoạt động nhằm giảm khoảng cách phát triển giữa các vùng khác nhau trong Cộng đồng.

- Ký kết Hiệp ước Lomé giữa Cộng đồng Châu Âu và 46 nước đang phát triển.

### 1979

- Hệ thống tiền tệ Châu Âu (SME) bắt đầu có hiệu lực (xem chương 12).
- Lần đầu tiên tổ chức bầu cử Nghị viện Châu Âu theo phương thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp.

### 1981

Hy Lạp gia nhập Cộng đồng.

### 1983

Tháng 6, Hội đồng Châu Âu họp tại Stuttgart (Đức) thông qua một *"Bản tuyên bố trong thể về Liên minh Châu Âu"*.

### 1984

Nghị viện Châu Âu thông qua *"dự thảo hiệp định thành lập Liên minh châu Âu"* nhằm mở rộng phạm vi thẩm quyền và tăng cường tính hợp pháp dân chủ của Cộng đồng Châu Âu (dự thảo Spinelli).

### 1985

- Ủy ban Châu Âu cho ra cuốn "Sách trắng" về việc xây dựng xong một thị trường chung.
- Các hiệp định Schengen được ký kết ngày 14 tháng 6, quy định việc xóa bỏ từng bước sự kiểm soát ở biên giới giữa các nước trong Cộng đồng.

### 1986

- Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha gia nhập Liên minh
- Định ước Châu Âu duy nhất (AUE) được ký kết ngày 28/2, trong đó 12 nước thành viên cam kết thực hiện các biện pháp nhằm thiết lập, chậm nhất là vào ngày 31/12/1992, một thị trường chung trong

đó đảm bảo việc tự do đi lại của cá nhân, tự do lưu thông của hàng hoá, dịch vụ và tiền vốn (gần 300 đề xuất chỉ thị trong cuốn Sách trắng xuất bản năm 1985 đã được thông qua). Ngoài ra, Định ước cũng đã đạt được nhiều thành công khác, như:

- + Xây dựng một cơ sở pháp lý chính thức cho Hội đồng Châu Âu;
- + Mở rộng phạm vi áp dụng nguyên tắc đa số tuyệt đối trong Hội đồng Châu Âu;
- + Đưa ra một cơ chế hợp tác (mở rộng thẩm quyền của Nghị viện Châu Âu);
- + Mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục xin ý kiến thuận của Nghị viện Châu Âu;
- + Đưa ra một văn bản thoả thuận về hợp tác trong lĩnh vực đối ngoại.

### **1987**

Định ước Châu Âu duy nhất (AUE) bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7.

### **1989**

- Bức tường Berlin sụp đổ tháng 11.
- Thông qua Hiến chương của Cộng đồng Châu Âu về các quyền xã hội cơ bản của người lao động, ngày 9/12 tại Strasbourg.

Cũng trong ngày hôm đó, Hội đồng Châu Âu tán thành việc thiết lập Ngân hàng tái thiết và phát triển Châu Âu (BERD) nhằm giúp đỡ các nước Trung và Đông Âu.

### **1990**

Nước Đức thống nhất ngày 3 tháng 10.



## 1991

Ngày 21/10, ký Hiệp ước về không gian kinh tế Châu Âu (EEE) giữa 12 nước thành viên Cộng đồng Châu Âu và 7 nước thành viên Hiệp hội Châu Âu về tự do thương mại (AELE), gồm có: Áo, Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy, Ai-xơ-len, Thụy Sĩ và Lich-ten-stein.

## 1992

Ký Hiệp ước thành lập Liên minh Châu Âu ngày 7/2 tại Maastricht. Hiệp ước dự kiến thiết lập:

- Một Liên minh chính trị (thiết lập quy chế công dân Châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, gọi tắt là PESC, và chính sách hợp tác trong các lĩnh vực tư pháp và nội vụ, gọi tắt là JAI);
- Một Liên minh kinh tế và tiền tệ (UEM) để tiến tới xây dựng một đồng tiền duy nhất chậm nhất là vào ngày 1/1/1999 (xem chương 12).

Hiệp ước quy định việc xây dựng Liên minh Châu Âu dựa trên ba “trụ cột”: một trụ cột cộng đồng (bao gồm các cộng đồng CECA<sup>(1)</sup> + CE + CEEA) và hai trụ cột liên chính phủ (gồm có PESC + JAI).

Trụ cột thứ nhất liên quan đến các lĩnh vực trong đó các nước thành viên sẽ trao chủ quyền cho các thiết chế của Liên minh. Trụ cột thứ hai và thứ ba được gọi là các trụ cột “liên chính phủ” vì các nước thành viên không chuyển giao thẩm quyền của họ trong các lĩnh vực có liên quan mà vẫn muốn giữ lại quyền tự quyết trong những lĩnh vực này.

Liên minh Châu Âu được xây dựng dựa trên ba trụ cột trên, nhưng bản thân không phải là một chủ thể của pháp luật quốc tế theo đúng nghĩa của nó.

Hiệp ước Maastricht còn thừa nhận nguyên tắc bổ trợ, được thể hiện ở chỗ Cộng đồng Châu Âu chỉ được ban hành luật trong một lĩnh vực nào

<sup>(1)</sup> Cộng đồng than thép Châu Âu CECA hết hiệu lực năm 2001, sau thời gian tồn tại 50 năm theo quy định tại Hiệp ước thành lập ra tổ chức này.

đó khi chứng minh được rằng nếu làm như vậy sẽ hiệu quả hơn là để cho các nước thành viên tự làm riêng rẽ.

Ngoài ra, Hiệp ước Maastricht cũng đã thành công trong việc:

- Mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục bỏ phiếu theo nguyên tắc đa số tuyệt đối trong Hội đồng Châu Âu;
- Xây dựng cơ chế đồng quyết (mở rộng thẩm quyền của Nghị viện Châu Âu);
- Mở rộng phạm vi áp dụng cơ chế hợp tác và thủ tục xin ý kiến thuận của Nghị viện Châu Âu.

### **1993**

Hiệp ước thành lập Liên minh Châu Âu bắt đầu có hiệu lực ngày 1 tháng 11.

### **1994**

- Na Uy từ chối tham gia Liên minh Châu Âu theo kết quả trưng cầu dân ý.
- Ngày 15 tháng 4 tại Marrakech, ký kết hiệp ước thành lập Tổ chức thương mại thế giới (OMC), thay thế GATT là tổ chức mà Cộng đồng Châu Âu đã tham gia.

### **1995**

Kết nạp Áo, Thụy Điển và Phần Lan ngày 1 tháng 1.

### **1996**

Khai mạc Hội nghị liên Chính phủ tại Turin bàn về cải cách hệ thống các thiết chế, kết quả là đến năm 1997 đã ký được Hiệp ước Amsterdam.

### **1997**

Ngày 2 tháng 11, ký Hiệp ước Amsterdam với nội dung chủ yếu quy định về việc:

- Tăng cường quyền hạn của Nghị viện Châu Âu và của Chủ tịch Ủy ban Châu Âu;
- Mở rộng thẩm quyền của Tòa án công lý công đồng Châu Âu trong khuôn khổ của chính sách hợp tác trong lĩnh vực tư pháp và nội vụ (JAI);
- Thiết lập cơ chế cho phép đình chỉ một số quyền (kể cả quyền bỏ phiếu) của bất kỳ nước thành viên nào đã vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản (đặc biệt là về vấn đề nhân quyền) mà các nước thành viên trong Liên minh phải tuân thủ.
- Tiến hành cộng đồng hoá một phần và từng bước (trong thời hạn 5 năm) trụ cột thứ ba của Liên minh (hợp tác trong lĩnh vực tư pháp và nội vụ, JAI);
- Thúc đẩy chính sách xã hội;
- Thiết lập chính sách việc làm;
- Tạo điều kiện cho các nước thành viên thiết lập chính sách hợp tác tăng cường giữa họ với nhau khi tuân thủ một số điều kiện nhất định.

### **1998**

Ngày 2 tháng 5, nguyên thủ quốc gia của các nước thành viên họp tại Bruxelles trong khuôn khổ của Hội đồng Châu Âu để quyết định triển khai giai đoạn ba của Liên minh kinh tế và tiền tệ Châu Âu UEM (phát hành đồng tiền duy nhất), vào ngày 1/1/1999, bao gồm 11 nước thành viên: Đức, Bỉ, Tây Ban Nha, Pháp, Ai-len, Italia, Luxembourg, Áo, Hà Lan, Bồ Đào Nha và Phần Lan.

### **1999**

- Ngày 1 tháng 1, bắt đầu triển khai giai đoạn 3 của Liên minh kinh tế và tiền tệ UEM với việc: quy định tỷ giá chuyển đổi cố định giữa đồng tiền quốc gia với đồng euro, các văn bản quy định về việc lưu hành đồng euro bắt đầu có hiệu lực; quy định và thực hiện

chính sách tiền tệ bằng đồng euro và tiến hành hoạt động hối đoái bằng đồng euro; phát hành tín phiếu kho bạc bằng đồng euro.

- Ngày 16 tháng 3, các uỷ viên Uỷ ban Châu Âu quyết định từ chức tập thể, một ngày sau khi Uỷ ban điều tra độc lập công bố báo cáo về “những dấu hiệu của sự gian lận, sự yếu kém trong quản lý và chính sách gia đình trị trong Uỷ ban Châu Âu”. Ngày 24 tháng 3 tại Berlin, nguyên thủ quốc gia các nước thành viên đã chọn Romano Prodi (quốc tịch Italia) làm chủ tịch Uỷ ban Châu Âu thay thế ông Santer.
- Ngày 1 tháng 5, Hiệp ước Amsterdam có hiệu lực.
- Ngày 15 tháng 9, thành lập Uỷ ban mới theo đề cử của Prodi.
- Tháng 9, khai mạc Hội nghị liên Chính phủ tại Helsinki với mục đích tiến tới cải cách hệ thống các thiết chế của Liên minh.

## **2000**

- Ngày 23 tháng 6 tại Cotounou, ký kết một hiệp ước mới về hợp tác (2000-2020) giữa một bên là Cộng đồng Châu Âu và các nước thành viên với bên kia là các nước thuộc các khu vực châu Phi-Caribê-Thái Bình Dương.
- Tháng 12, Hội đồng Châu Âu tại Nice thông qua một dự thảo hiệp ước (sẽ được ký kết ngày 26 tháng 2 năm 2001) và tuyên bố Hiến chương về các quyền cơ bản.

## **2001**

- Ngày 1 tháng 1, Hy Lạp tham gia vào khu vực sử dụng đồng euro.
- Ngày 26 tháng 2, ký Hiệp ước Nice trong đó có đề cập đến những điểm chủ yếu sau:
  - Thiết lập một cơ chế giám sát và cảnh báo nhằm ngăn ngừa sự vi phạm các nguyên tắc cơ bản;

- Hội đồng sẽ xác định quy chế cho các đảng phái chính trị ở cấp độ Châu Âu;
- Kể từ năm 2005, các nước Pháp, Đức, Italia, Tây Ban Nha sẽ phải chấp nhận chỉ có một uỷ viên duy nhất trong Uỷ ban Châu Âu<sup>(\*)</sup>. Sau khi được mở rộng, Liên minh Châu Âu sẽ ấn định số thành viên không đổi của Uỷ ban; trong mọi trường hợp, số uỷ viên không được vượt quá 26 người;
- Quyền hạn của chủ tịch Uỷ ban sẽ được tăng cường;
- Nguyên tắc đa số tuyệt đối trong Hội đồng Châu Âu được áp dụng mở rộng ra một số lĩnh vực khác;
- Cơ chế phân bổ đầu phiếu trong Hội đồng sẽ được thay đổi từ ngày 1/1/2005;
- Nghị viện Châu Âu sẽ chỉ có tối đa là 732 nghị sĩ và sự phân bổ số lượng ghế cho các nước thành viên sẽ được thay đổi kể từ ngày 1/1/2004;
- Cơ chế hợp tác tăng cường sẽ được cải thiện;
- Khả năng thêm phân toà cho toà sơ thẩm Châu Âu (TPI), các phân toà này có thẩm quyền xét xử sơ thẩm trong một số lĩnh vực chuyên biệt;
- Toà sơ thẩm Châu Âu (TPI) sẽ có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về giải thích pháp luật trong một số lĩnh vực chuyên biệt do quy chế của Tòa sơ thẩm Châu Âu quy định.

---

<sup>(\*)</sup> ND: Trước đây, các nước này có quyền chỉ định hai người vào Uỷ ban Châu Âu, trong khi các nước thành viên khác chỉ có một uỷ viên duy nhất.

## Chương 3

# Tư cách công dân Châu Âu

Hiệp ước về Liên minh Châu Âu, ký tại Maastricht ngày 7/2/1992, lần đầu tiên đã sử dụng khái niệm tư cách công dân Châu Âu và dành riêng một phần để quy định về vấn đề này (từ điều 17 đến điều 22).

Các công dân trong Cộng đồng sẽ có thêm một số quyền mới với tư cách là công dân Châu Âu, trong khi vẫn giữ tư cách công dân của nước họ. Các quyền mới đó bao gồm:

- **Quyền tự do đi lại và cư trú trên lãnh thổ của các quốc gia thành viên:** Quyền được tự do đi lại của con người là một trong số bốn quyền tự do cơ bản của thị trường chung Châu Âu. Hộ chiếu Châu Âu đã tồn tại từ năm 1985.
- **Quyền bầu cử và ứng cử:** Mỗi công dân của cộng đồng đều có quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan của Liên minh Châu Âu, giống như tại các cuộc bầu cử quốc gia ở những nước nơi họ cư trú.

Quyền bầu cử và ứng cử có giá trị đối với cả các cuộc bầu cử chính quyền cấp xã<sup>(1)</sup>. Nhưng có ba quốc gia được áp dụng một cơ chế đặc thù do những quyền lợi cá biệt của họ, đó là: Luxembourg (nước có số công dân Châu Âu không mang quốc tịch của nước này chiếm hơn 20% số cử tri), Bỉ (nơi thường xuyên có sự mất cân bằng giữa các cộng đồng người Bỉ), và nước Pháp.

---

<sup>(1)</sup>“Xã” là chính quyền cơ sở ở Pháp. Chính quyền cơ sở ở đô thị của Pháp cũng gọi là “xã” nhưng lại không tương đồng cấp phường của Việt Nam mà tương đương cấp thành phố (ví dụ thành phố Paris về mặt hành chính cũng là một xã, xem Luật về phân quyền năm 1982 của Pháp).

Ở Pháp, công dân Châu Âu không có quốc tịch Pháp có thể tham gia bầu cử chính quyền xã, thậm chí có thể tham gia vào Hội đồng dân cử của xã, nhưng không thể giữ chức thị trưởng hoặc phó thị trưởng vì thị trưởng và phó thị trưởng của Pháp tham gia vào đoàn đại cử tri để bầu ra các thượng nghị sĩ.

- **Bảo hộ về lãnh sự:** Nếu một công dân Châu Âu nào đó cần được trợ giúp tại một quốc gia nằm ngoài Liên minh Châu Âu, người này có thể yêu cầu sự giúp đỡ của cơ quan đại diện ngoại giao (lãnh sự, sứ quán) của bất kỳ một nước thành viên nào. Khi đó, cơ quan được yêu cầu sẽ đối xử với người này như đối với người có quốc tịch của nước mình.
- **Quyền khiếu nại trước Nghị viện Châu Âu**
- **Quyền được yêu cầu sự can thiệp của trung gian hoà giải Châu Âu,** là người có chức năng phát hiện ra những trường hợp quản lý kém mà trách nhiệm thuộc về các cơ quan, thiết chế của Liên minh Châu Âu.

## Chương 4

# Mở rộng Liên minh Châu Âu

Liên minh Châu Âu 15 nước là kết quả của nhiều “đợt sóng” gia nhập trong suốt quá trình phát triển từ khi các Cộng đồng Châu Âu được thành lập vào những năm 1950, bao gồm:

- Pháp, Cộng hoà liên bang Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Luxembourg (là những nước thành viên sáng lập);
- Vương Quốc Anh, Ai-len, Đan Mạch (trong đợt gia nhập lần thứ nhất, ngày 1/1/1973);
- Hy Lạp (đợt hai, ngày 1/1/1981);
- Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha (đợt ba, ngày 1/1/1986);
- Áo, Thụy Điển, Phần Lan (đợt bốn, ngày 1/1/1995).

Các lần mở rộng tiếp theo của Liên minh Châu Âu sẽ chủ yếu liên quan đến các nước Trung và Đông Âu.

Hiện nay, có 13 nước đang là ứng cử viên: Hung-ga-ri, Ba-lan, Cộng hoà Séc, Slô-va-ki-a, Slô-vê-nia, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, Estô-nia, Lít-tua-ni, Lét-tô-nia, Đảo Shíp và Thổ Nhĩ Kỳ. Đảo Man-tơ cũng đã lại nộp đơn xin gia nhập ngày 10/9/1998, sau một lần từ chối không nộp đơn.

### 1. Các điều kiện cần phải đáp ứng để được gia nhập Liên minh Châu Âu

Các điều kiện cần phải hội đủ để gia nhập Liên minh Châu Âu đã được



Ủy ban Châu Âu trình bày trong bản báo cáo năm 1992 về *"Châu Âu và những thách thức trong quá trình mở rộng"*, đã được khẳng định một cách trọng thể bởi Hội đồng Châu Âu họp tại Copenhagen tháng 6 năm 1993. Gần đây, nội dung những điều kiện trên đã được Ủy ban Châu Âu giải thích trong bản thông cáo có tiêu đề *"Lịch trình 2000"*, ngày 16 tháng 7 năm 1997, bao gồm:

### a) Căn cước châu Âu

Phải là "một nước Châu Âu" (điều 49, đoạn 1 của Hiệp ước về Liên minh Châu Âu) mới được gia nhập Liên minh Châu Âu.

### b) Quy chế dân chủ (tiêu chí chính trị)

Quốc gia ứng cử viên phải có một hệ thống các thiết chế ổn định để đảm bảo nguyên tắc dân chủ (bao gồm việc tôn trọng các quyền tự do, đa nguyên chính trị, các thiết chế dân chủ, quyền tư pháp và lập hiến độc lập, bầu cử tự do và công bằng...), đảm bảo được tính tối cao của pháp luật, đảm bảo được nhân quyền (đặc biệt là các quyền đã được ghi trong Công ước của Liên minh Châu Âu về quyền con người, ngày 4/11/1950) và đảm bảo sự tôn trọng đối với các dân tộc thiểu số (sự hội nhập của họ trong cộng đồng xã hội là một điều kiện để đảm bảo ổn định dân chủ).

### c) Khả năng áp dụng hệ thống cộng đồng (tiêu chí kinh tế)

Để gia nhập Liên minh Châu Âu, các nước ứng cử viên phải xây dựng được một nền kinh tế thị trường vững chắc (đảm bảo tự do cạnh tranh, tự do giá cả, khu vực tài chính phát triển đủ mạnh...) và phải có khả năng đương đầu với áp lực của cạnh tranh và sức ép của thị trường chung của Liên minh (một nguồn nhân lực và vật lực đủ mạnh, và với một chi phí thích hợp, kể cả về cơ sở hạ tầng, giáo dục và nghiên cứu).

Nước ứng cử viên còn phải có một hệ thống hành chính và pháp lý phù hợp.

## d) Công nhận thành quả cộng đồng

Gia nhập đồng nghĩa với việc chấp nhận các quyền và nghĩa vụ của hệ thống cộng đồng và của các thiết chế. Đặc biệt, các nước ứng cử viên phải công nhận các mục tiêu đề ra cho Liên minh chính trị, Liên minh kinh tế và tiền tệ.

Tuy nhiên, việc kết nạp thêm một thành viên mới có thể kéo theo những biện pháp cải tổ kỹ thuật, những ngoại lệ nhất thời hay những biện pháp quá độ.

## e) Tham gia vào cả ba Cộng đồng

Nước thành viên mới gia nhập phải tham gia vào cả ba Cộng đồng, là Cộng đồng than và thép Châu Âu (CECA<sup>61</sup>), Cộng đồng Châu Âu (CE) và Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu (CEEA hay còn gọi là Euratom).

## 2. Thủ tục gia nhập theo hai giai đoạn

Điều 49 của Hiệp ước về Liên minh Châu Âu quy định thủ tục gia nhập Liên minh phải tiến hành đồng thời: một thủ tục chung với cộng đồng (quy định tại đoạn 1), và một thủ tục riêng đối với từng quốc gia thành viên (quy định tại đoạn 2).

Điều 49 quy định như sau:

*“Bất kỳ quốc gia châu Âu nào, khi đáp ứng các nguyên tắc nêu tại điều 6, khoản 1, đều có thể xin gia nhập Liên minh. Quốc gia này đệ đơn lên Hội đồng để Hội đồng nhất trí thông qua, sau khi đã tham khảo Ủy ban và có ý kiến thuận của Nghị viện châu Âu. Ý kiến của Nghị viện châu Âu phải được đưa ra theo nguyên tắc đa số quá bán trên tổng số thành viên của Nghị viện.*

<sup>61</sup> Xin nhắc lại là đến năm 2001, CECA sẽ không còn hiệu lực.

*Các điều kiện gia nhập và biện pháp cải tổ kèm theo, theo quy định tại các hiệp ước thành lập Liên minh châu Âu, phải được thoả thuận giữa các nước thành viên với quốc gia xin gia nhập. Thoả thuận này phải được tất cả các quốc gia đã cùng ký kết phê chuẩn theo đúng các nguyên tắc hiến định của mỗi nước”.*

Trên thực tế, các cuộc thoả thuận được tiến hành dưới sự chỉ đạo của đại diện nước thành viên đang giữ vai trò chủ tịch Liên minh Châu Âu với sự trợ giúp mang tính quyết định của Uỷ ban. Uỷ ban tìm ra quan điểm chung của tất cả các nước thành viên, tham gia như một “người môi giới trung thực” vào quá trình đàm phán giữa các nước thành viên và các nước ứng cử viên, đưa ra những kiến nghị và khuyến cáo.

Việc đàm phán phải được tiến hành riêng rẽ với từng ứng cử viên một dưới sự kiểm tra giám sát về mặt chính trị và sự thúc đẩy của Hội đồng Châu Âu.

Nghị viện Châu Âu và mỗi nước thành viên đều có “quyền phủ quyết” và Hội đồng Liên minh Châu Âu<sup>(7)</sup> phải ra quyết định theo nguyên tắc nhất trí hoàn toàn.

### **3. Mở rộng Liên minh Châu Âu sang khối các nước Trung và Đông Âu**

Việc mở rộng Liên minh Châu Âu sang các nước Trung và Đông Âu sẽ được tiến hành vào năm 2003. Đây sẽ là một sự kiện đáng ghi nhớ, một thời điểm có một không hai trong lịch sử xây dựng Liên minh Châu Âu, vì nó liên quan đến rất nhiều quốc gia (khoảng 10 nước) với khoảng 100 triệu dân và có một sự khác biệt rất lớn không chỉ giữa các nước này với nhau mà đặc biệt là so với sự phát triển của các nước thành viên hiện nay của Liên minh Châu Âu. Hơn nữa, sự kiện này sẽ được coi như sự đăng quang trở lại trong nền dân chủ của một số nước đã từng thuộc khối Hiệp ước Vác-xa-va trước đây.

<sup>(7)</sup> Hội đồng Liên minh Châu Âu còn gọi là Hội đồng các Bộ trưởng, gồm Bộ trưởng các nước thành viên (xem chương 5).

Hội đồng Châu Âu họp tại Essen, tháng 12 năm 1994, đã thông qua một chiến lược tổng thể áp dụng cho các nước Trung và Đông Âu trong thời kỳ trước khi gia nhập, nhằm:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hữu hiệu các thoả thuận đã được ký kết với các nước này;
- Ủng hộ tiến trình quá độ dân chủ và khôi phục kinh tế qua các hình thức viện trợ không hoàn lại và trợ giúp kỹ thuật (chương trình PHARE). Tổng số 11 tỷ êcu đã được triển khai trong giai đoạn 1989-1999;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nước này hội nhập pháp luật cộng đồng về thị trường chung của Liên minh (xem cuốn Sách trắng năm 1995 của Uỷ ban Châu Âu, trong phần về "*công tác chuẩn bị của các nước Trung và Đông Âu cho việc hội nhập vào thị trường chung của Liên minh châu Âu*"). Đặc biệt, cuốn Sách trắng năm 1985 đã dẫn đến việc thành lập TAIEX, văn phòng thông tin và trợ giúp kỹ thuật, được đặt dưới sự quản lý của Uỷ ban Châu Âu (cửa duy nhất cho các nước Trung và Đông Âu);
- Thúc đẩy "*đối thoại có cơ cấu*" với các nước này, dưới hình thức các cuộc họp giữa các nguyên thủ quốc gia (thông thường mỗi năm một lần) và cả giữa các bộ trưởng có liên quan (một đến hai lần mỗi năm).

Trong bản "*Lịch trình 2000*", ngày 16/7/1997, Uỷ ban Châu Âu đã đưa ra những kết luận cơ bản và những khuyến nghị liên quan đến việc kết nạp các nước Trung và Đông Âu, trong đó có khuyến nghị mở đàm phán vào đầu năm 1998 với các nước Hung-ga-ri, Ba Lan, Es-tô-nia, Cộng hoà Séc, Slô-vê-nia và Đào Şíp.

- Đảo Síp (thủ đô Nicosi): 0,76 triệu dân, 9.251 km<sup>2</sup>, Chính thể cộng hoà, đa đảng, Viện dân biểu;
- Es-tô-nia (thủ đô Talin): 1,5 triệu dân, 45.215 km<sup>2</sup>, Chính thể cộng hoà dân chủ (tuyên bố độc lập ngày 30/3/1991);
- Hung-ga-ri (thủ đô Budapest): 10,2 triệu dân, 93.030 km<sup>2</sup>, Chính thể cộng hoà, dân chủ nghị viện, đa đảng, một Viện;
- Ba Lan (thủ đô Vác-xa-va): 38,7 triệu dân, 312.677 km<sup>2</sup>, Chính thể cộng hoà, dân chủ, đa đảng, Hội nghị chính trị và Thượng viện;
- Cộng hoà Séc (thủ đô Pra-ha): 10,3 triệu dân, 79.000 km<sup>2</sup>, Chính thể cộng hoà, dân chủ đa nguyên, chế độ theo hình thái nghị viện, Hạ viện và Thượng viện;
- Slô-vê-nia (thủ đô Ljubljana): 2 triệu dân, 20.300 km<sup>2</sup>, Chính thể cộng hoà, dân chủ, đa đảng;

*Trích dẫn từ Atlas kinh tế thế giới, Le Nouvel Observateur, Atlaséco.*

Còn các nước ứng cử viên khác, mặc dù theo đánh giá của Ủy ban Châu Âu là họ có khả năng được gia nhập Liên minh vào một thời điểm nào đó, nhưng hiện nay họ còn chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện để có thể tiến hành đàm phán chuẩn bị gia nhập.

Hội đồng Châu Âu họp tại Luxembourg năm 1997 đã đưa ra quyết định mở đàm phán vào tháng 4 năm 1998 với sáu nước ứng cử viên "sẵn sàng" nhất. Đồng thời, Hội đồng cũng đã quyết định có thể bắt đầu tiến hành đàm phán với các nước ứng cử viên còn lại bất kỳ lúc nào, ngay sau khi Ủy ban Châu Âu xác nhận được rằng các nước này đã đạt được những tiến bộ cần thiết.

Hội đồng Châu Âu tại Luxembourg cũng đã nhận định rằng Thổ Nhĩ Kỳ có "đủ tư cách" gia nhập Liên minh, dù rằng hiện nay nước này chưa đáp ứng được các tiêu chí chính trị như đã được xác định tại Copenhagen (do vấn đề quy chế của người Kurd).

Ngày 13 tháng 10 năm 1999, Ủy ban Châu Âu đã đề nghị mở đàm phán trong năm 2000 với sáu nước ứng cử viên trong bảng dưới đây, gồm có: Lét-tô-nia, Lít-tua-ni, Malte, Slo-va-kia, Bun-ga-ri và Ru-ma-ni (riêng với Bun-ga-ri và Ru-ma-ni phải có một số điều kiện nhất định). Hội đồng Châu Âu tại Helsinki tháng 12 năm 1999 đã chấp nhận đề nghị này và ra quyết định theo đó các cuộc đàm phán nhằm mục đích kết nạp thêm thành viên mới sẽ được bắt đầu vào tháng 2 năm 2000 với sáu nước kể trên.

- Bun-ga-ri (thủ đô Sô-fia): 8,5 triệu dân, 110.912 km<sup>2</sup>. Chính thể cộng hoà, chế độ dân chủ, Nghị viện;
- Malte (thủ đô La Va-lét): 0,37 triệu dân, 316 km<sup>2</sup>. Chính thể cộng hoà, dân chủ đa nguyên, chế độ nghị viện (69 nghị sĩ);
- Lét-tô-nia (thủ đô Ri-ga): 2,5 triệu dân, 64.500 km<sup>2</sup>. Chính thể cộng hoà (tuyên bố độc lập ngày 4/5/1990), dân chủ đa nguyên, Nghị viện (100 đại biểu);
- Lít-tua-ni (thủ đô Vil-ni-us): 3,7 triệu dân, 65.200 km<sup>2</sup>. Chính thể cộng hoà (tuyên bố độc lập ngày 11/3/1990), dân chủ đa nguyên, Nghị viện (141 đại biểu);
- Ru-ma-ni (thủ đô Bu-ca-rét): 22,7 triệu dân, 237.500 km<sup>2</sup>. Chính thể cộng hoà, dân chủ nghị viện, chế độ nửa tổng thống, nửa nghị viện gồm Hạ viện và Thượng viện;
- Slo-va-kia (thủ đô Bra-ti-sla-va): 5,4 triệu dân, 49.035 km<sup>2</sup>. Chính thể cộng hoà, dân chủ đa nguyên, Quốc hội (150 đại biểu);

*Trích dẫn từ Atlas kinh tế thế giới, Le Nouvel Observateur, Atlaséco.*

# Chương 5

## Các thiết chế của Liên minh Châu Âu

### 1. Ủy ban Châu Âu

Gồm 20 uỷ viên (5 nước lớn nhất của Liên minh có mỗi nước 2 uỷ viên), được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 5 năm. Ông R. Prodi (Italia) giữ chức chủ tịch Ủy ban từ tháng 7 năm 1999. Có 21.700 nhân viên được phân bố thành 24 Ban khác nhau. Có quy chế độc lập với các nước thành viên, Ủy ban Châu Âu là cơ quan đại diện và bảo vệ quyền lợi của cả Cộng đồng. Ủy ban chịu trách nhiệm trước Nghị viện Châu Âu. Ủy ban Châu Âu ra quyết định theo đa số (11/20 phiếu). Hiệp ước Amsterdam và Hiệp ước Nice đã tăng cường quyền hạn của chủ tịch Ủy ban Châu Âu.

Ủy ban hầu như giữ độc quyền trong việc đưa ra sáng kiến về các văn bản của cộng đồng (quyền đề xuất, xem chương 8), tự quyền quyết định (chủ yếu trong lĩnh vực cạnh tranh), được uỷ quyền của Hội đồng Liên minh Châu Âu để thi hành các văn bản của cơ quan này. Ủy ban sơ thảo dự toán ngân sách và chấp hành ngân sách của Liên minh Châu Âu, có chức năng bảo vệ pháp chế của Liên minh và tiến hành đàm phán hiệp định với nước ngoài theo uỷ quyền của Hội đồng Liên minh Châu Âu.

### 2. Hội đồng Châu Âu

Là hội nghị các nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu Chính phủ, một năm họp ít nhất hai lần với sự tham dự của chủ tịch Ủy ban Châu Âu.

Hội đồng Châu Âu đưa ra những định hướng lớn cho Liên minh Châu Âu, thực hiện sự thúc đẩy cần thiết về mặt chính trị để phát triển Liên minh Châu Âu. Can thiệp như cấp xét xử phúc thẩm để giải quyết những hồ sơ nhạy cảm. Có quyền hạn đặc biệt trong khuôn khổ của UEM, PESC và JAI.

### 3. Hội đồng Liên minh Châu Âu<sup>(8)</sup>

Bao gồm đại diện của chính phủ các nước thành viên ở cấp các Bộ Chủ tịch Hội đồng Liên minh Châu Âu được thay đổi 6 tháng một lần (xem chương 6). Sử dụng 2.600 nhân viên. Bỏ phiếu theo cơ chế nhất trí toàn thể, đa số tuyệt đối (62/87), hoặc đa số tương đối (8/15 nước thành viên). Ủy ban Đại diện thường trực (COREPER) là cơ quan giúp việc chủ yếu của Hội đồng Liên minh Châu Âu.

*Là cơ quan lập pháp chủ yếu của Liên minh châu Âu (xem chương 8). Chức năng "lập hiến": xem xét các hiệp ước, quyết định về việc kết nạp thành viên mới.*

*Có thẩm quyền thi hành, có thể ủy quyền cho Ủy ban châu Âu.*

*Lập dự toán ngân sách và có quyền đưa ra quyết định cuối cùng về các khoản chi bắt buộc.*

*Ủy quyền cho Ủy ban châu Âu đàm phán hiệp định với nước ngoài mà mình sẽ ký.*

### 4. Nghị viện Châu Âu

Gồm 626 nghị sĩ (trong đó có 87 nghị sĩ Pháp) được bầu theo phương thức phổ thông trực tiếp cho mỗi nhiệm kỳ 5 năm. Có 3.500 nhân viên. Hiệp ước Amsterdam quy định giới hạn số lượng nghị sĩ tối đa không được vượt quá 700 (732, theo Hiệp ước Nice). Đóng trụ sở tại Strasbourg. Các nghị sĩ hoạt động theo nhóm chính trị chứ không phụ thuộc vào quốc tịch, đại diện cho nhân dân các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu.

<sup>(8)</sup> ND: Còn gọi là Hội đồng các Bộ trưởng của Liên minh Châu Âu.



- *Bỏ phiếu phê chuẩn quyết định của Uỷ ban châu Âu.*
- *Tham gia ở mức độ khá sâu vào tiến trình lập pháp (xem chương 8).*
- *Có quyền quyết định cuối cùng về các khoản chi không bắt buộc.*
- *Có thể bác bỏ ngân sách của Liên minh châu Âu theo cả gói.*
- *Duyệt quyết toán ngân sách của Uỷ ban châu Âu.*
- *Chất vấn bằng văn bản hoặc bằng lời.*
- *Có thể thành lập các uỷ ban điều tra.*
- *Có thể tiếp nhận đơn thư khiếu nại*
- *Bổ nhiệm chức danh trung gian hoà giải của Liên minh châu Âu.*

## **5. Toà án công lý của các Cộng đồng Châu Âu (CJCE)<sup>(9)</sup>**

Gồm 15 thẩm phán, 8 công tố viên được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 6 năm. Trụ sở tại Luxembourg, sử dụng 1006 nhân viên. Chánh án được các thẩm phán bầu ra theo nhiệm kỳ 3 năm. Bên cạnh đó còn có một Toà sơ thẩm (TPI), gồm 15 thẩm phán nhưng không có công tố viên.

- *Giải thích luật của Liên minh châu Âu.*
- *Đảm bảo pháp luật của Liên minh được các thiết chế của Liên minh, các nước thành viên và công dân của các nước thành viên tuân thủ (xem chương 8).*
- *Hiệp ước Amsterdam đã mở rộng phạm vi thẩm quyền trong khuôn khổ chương trình hợp tác trong lĩnh vực tư pháp và nội vụ (JAI).*

## **6. Tòa kiểm toán**

Thành lập năm 1975. Hiện nay có 15 thành viên, do Hội đồng Liên minh Châu Âu bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 6 năm. Sử dụng 550 nhân viên.

<sup>(9)</sup>ND: Còn gọi là Toà án công lý cộng đồng châu Âu hay Toà án cộng đồng châu Âu.

- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp và hợp thức của các khoản thu và chi của Liên minh.
- Đưa ra nhận xét và kiến nghị.
- Công bố các bản báo cáo.
- Thẩm quyền của Tòa đã được mở rộng trong các Hiệp ước Maastricht và Amsterdam.

## 7. Ủy ban kinh tế - xã hội

Gồm 222 ủy viên đại diện cho xã hội dân sự, do Hội đồng Liên minh Châu Âu bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 4 năm.

- Cho ý kiến tư vấn.
- Hiệp ước Amsterdam đã mở rộng phạm vi can thiệp của Ủy ban.

## 8. Ủy ban các vùng

Gồm 222 ủy viên đại diện cho các đơn vị hành chính vùng và địa phương, do Hội đồng Liên minh Châu Âu bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 4 năm.

- Cho ý kiến tư vấn.
- Hiệp ước Amsterdam đã mở rộng phạm vi can thiệp của Ủy ban.

## Chương 6

# Chủ tịch Liên minh Châu Âu

Vai trò chủ tịch Hội đồng Châu Âu lần lượt được các nước thành viên đảm nhận trong thời hạn 6 tháng, thứ tự do Hội đồng quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

Nước thành viên nào giữ vai trò chủ tịch Liên minh Châu Âu thì đồng thời cũng là chủ tịch của tất cả các cơ quan mang tính liên chính phủ: Hội đồng Châu Âu và cả COREPER và các nhóm công tác. Đồng thời, nước đó còn là chủ tịch của cả các cơ quan thuộc trụ cột hợp tác thứ 2 và thứ 3 của Liên minh Châu Âu.

Trong thời gian đầu, vai trò chủ tịch được xem như một vị trí danh dự, nhưng sau đó nó ngày càng trở nên quan trọng, đặc biệt khi mà sự mở rộng của các Cộng đồng, sau đó là của Liên minh, đã cho thấy vai trò quan trọng của việc tìm kiếm sự thoả hiệp giữa các thành viên. Theo truyền thống, đây là chức năng của Chủ tịch.

Ngày nay, Chủ tịch giữ một vai trò mang tính quyết định. Đặc biệt, nước thành viên giữ vai trò chủ tịch phải thực hiện chức năng trọng tài, vì phải soạn thảo và đề xuất các biện pháp thoả hiệp nhằm tháo gỡ những cuộc đàm phán khó khăn. Đồng thời, chủ tịch cũng là người quyết định có tiến tới bỏ phiếu thông qua hay không. Cuối cùng, chủ tịch là người đại diện cho Hội đồng trước các thiết chế và các cơ quan của Liên minh Châu Âu, và đại diện cho Liên minh Châu Âu trên trường quốc tế.

*2001: Quý 1 - Thụy Điển*

*Quý 2 - Bỉ*

2002: Quý 1 - Tây Ban Nha

Quý 2 - Đan Mạch

2003: Quý 1 - Hy Lạp

**Ghi chú:** Những bất cập do việc quay vòng nhiệm kỳ chủ tịch nhanh đã phần nào được giải quyết thông qua cơ chế "troika", cho phép nước vừa hết nhiệm kỳ chủ tịch và nước giữ nhiệm kỳ sắp tới được tham dự vào nhiệm kỳ hiện tại. Cơ chế này đã được thiết lập nhân cuộc họp không chính thức của Hội đồng tại Luân Đôn, ngày 13 tháng 10 năm 1981.

Hội đồng châu Âu tại Bruxelles tháng 12 năm 1993 đã thay đổi tự quay vòng của nhiệm kỳ chủ tịch, sao cho trong bộ ba "troika" luôn có ít nhất một nước "lớn".

## C h ư ơ n g 7

# Trụ sở của các thiết chế và các cơ quan của Liên minh Châu Âu

Ủy ban Châu Âu.....	Bruxelles
Hội đồng Liên minh Châu Âu.....	Bruxelles
Nghị viện Châu Âu.....	Strasbourg
Toà án công lý cộng đồng Châu Âu.....	Luxembourg
Toà sơ thẩm Liên minh Châu Âu .....	Luxembourg
Toà kiểm toán Liên minh Châu Âu .....	Luxembourg
Ngân hàng trung ương Châu Âu .....	Francfort
Ngân hàng đầu, tư Châu Âu .....	Luxembourg
Cảnh sát Châu Âu (Europol) .....	La Haye
Cơ quan môi trường Châu Âu .....	Copenhagen
Trung tâm theo dõi ma túy và tình trạng nghiện ma túy Châu Âu .....	Lisbonne

Cơ quan kiểm nghiệm dược phẩm Châu Âu .....	Luân Đôn
Cơ quan thanh tra bảo vệ vật nuôi cây trồng .....	Dublin
Cơ quan điều tiết thị trường chung .....	Madrid
Tổ chức phát triển đào tạo Châu Âu .....	Turin

*Ghi chú: Ngân hàng tái thiết và phát triển châu Âu (BERD), trụ sở tại Luân Đôn, không là cơ quan của Liên minh châu Âu.*

## Chương 8

# Quy trình ban hành quyết định của Liên minh Châu Âu

Trong Liên minh Châu Âu, để đưa ra một quyết định cần phải tiến hành rất nhiều thủ tục phức tạp. Tiến trình này phải được tiến hành thông qua ba thiết chế cơ bản của Liên minh là Ủy ban Châu Âu, Hội đồng, Nghị viện Châu Âu.

*Ủy ban Châu Âu* hầu như giữ độc quyền trong việc đưa ra sáng kiến soạn thảo các văn bản của Liên minh (trừ các vấn đề liên quan đến *Chính sách đối ngoại và an ninh chung và Hợp tác trong lĩnh vực tư pháp và nội vụ*), vì các hiệp ước của Liên minh hầu như luôn buộc Hội đồng Liên minh Châu Âu phải phát biểu ý kiến trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Châu Âu. Những đề xuất này sẽ được quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến của các “đối tượng” có liên quan (nước thành viên, tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp...). Ủy ban Châu Âu có thể rút lại hoặc sửa đổi đề xuất ban đầu của mình bất cứ lúc nào. Không có quy định nào cấm các thiết chế khác của Liên minh Châu Âu và các nước thành viên của Liên minh yêu cầu Ủy ban Châu Âu phải đưa ra một sáng kiến nào đó.

Các văn bản của Liên minh được *Hội đồng Liên minh Châu Âu* thông qua theo nguyên tắc nhất trí toàn thể (với các vấn đề liên quan đến kết nạp thành viên, Chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hợp tác trong lĩnh vực tư pháp và nội vụ, lĩnh vực thuế...), hoặc theo nguyên tắc đa số tương đối (8/15 nước thành viên), và thường là đa số tuyệt đối (62/87 phiếu).

*Việc phân bổ số phiếu cho các nước thành viên được quy định tại điều 205 của Hiệp ước về Cộng đồng châu Âu, theo đó:*

- Pháp, Đức, Italia, Vương quốc Anh: mỗi nước 10 phiếu
- Tây Ban Nha: 8 phiếu
- Bỉ, Hà Lan, Hy Lạp, Bồ Đào Nha: mỗi nước 5 phiếu
- Áo, Thụy Điển: mỗi nước 4 phiếu
- Ai-len, Đan Mạch, Phần Lan: mỗi nước 3 phiếu
- Luxembourg: 2 phiếu

Các đề xuất văn bản trước hết được thảo luận tại các *nhóm công tác* gồm chuyên gia của các nước thành viên (đàm phán cấp độ 1). Sau đó trong phần lớn các trường hợp, đề xuất lại được thảo luận tại Ủy ban Đại diện thường trực (COREPER), gồm các đại diện thường trực (đại sứ) và các phụ tá (đàm phán cấp độ 2) và cuối cùng đến lượt chính Hội đồng nghĩa là bản thân các Bộ trưởng của 15 nước thành viên sẽ tham gia thảo luận (đàm phán cấp độ 3).

Trong một số lĩnh vực, các cuộc đàm phán ở cấp độ 2 không được thực hiện tại COREPER, mà do các cơ quan chuyên môn thực hiện, như: Ủy ban nông nghiệp, Ủy ban tiền tệ, Ủy ban 36 (trước đây là K4, tức là ủy ban điều phối với thành phần gồm các công chức cao cấp, có chức năng đưa ra kiến nghị cho Hội đồng và tham gia vào việc chuẩn bị công tác của Hội đồng trong những lĩnh vực thuộc trụ cột thứ 3 của Liên minh), v.v..

Hội đồng chỉ được sửa đổi nội dung đề xuất của Ủy ban khi tất cả các thành viên nhất trí.

*Nghị viện Châu Âu* có thể tham gia ở mức độ khá sâu vào quá trình lập pháp:



- Thủ tục *tham khảo ý kiến* cho phép Nghị viện Châu Âu đưa ra kiến nghị của mình, nhưng Hội đồng không bắt buộc phải nghe theo;
- Thủ tục *hợp tác* (điều 252), quy định tại bản Định ước duy nhất của Liên minh Châu Âu năm 1986, thiết lập nên cơ chế hai lần xem xét dự thảo văn bản (dự thảo đồng thời được xem xét bởi Nghị viện và Hội đồng), trong đó Hội đồng vẫn giữ lại quyền quyết định cuối cùng. Phạm vi áp dụng cơ chế này đã được mở rộng theo quy định của Hiệp ước Maastricht. Nhưng, từ khi Hiệp ước Amsterdam có hiệu lực, cơ chế này chỉ được áp dụng trong phạm vi Liên minh kinh tế và tiền tệ;
- Thủ tục *đồng quyết định* (điều 251), quy định tại Hiệp ước Maastricht năm 1992, cho phép Nghị viện Châu Âu phản đối lại quyết định thông qua văn bản của Hội đồng, sau khi đã hai lần xem xét dự thảo văn bản và một lần tiến hành thủ tục hoà giải (được xem như lần “xem xét” thứ 3). Phạm vi áp dụng thủ tục này đã được mở rộng và đơn giản hoá theo quy định tại Hiệp ước Amsterdam;
- Hiệp ước còn quy định những trường hợp phải có *ý kiến thuận* (được coi là quyền phủ quyết) của Nghị viện Châu Âu, đối với các văn bản liên quan đến việc kết nạp thành viên mới và đối với các thoả thuận liên kết mà Liên minh Châu Âu có thể ký với các nước khác chẳng hạn.

Trong một số ít trường hợp, Uỷ ban kinh tế-xã hội và Uỷ ban các vùng có thể cho ý kiến tham khảo về các văn bản đang được đàm phán.

Sau khi đã thông qua văn bản, Hội đồng Châu Âu giao cho Uỷ ban Châu Âu nhiệm vụ thi hành văn bản đó bằng cách xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể. Khi đó, các uỷ ban (tư vấn, quản lý, điều tiết), gồm chuyên gia của các nước thành viên, sẽ theo dõi giám sát Uỷ ban Châu Âu trong việc thực hiện thẩm quyền được giao (có thể nói đây là một ngành nghiên cứu về “uỷ ban học”).

Tùy theo điều kiện ở mỗi nước, nghị viện của các nước thành viên có thể tham gia ít hay nhiều vào quá trình ra quyết định trong Liên minh Châu Âu (xem chương 10 với trường hợp của Pháp).

## Chương 9

# Cơ cấu tổ chức của Pháp trong khôn khổ Liên minh Châu Âu

Cơ quan Tổng thư ký của Ủy ban liên Bộ về các vấn đề hợp tác kinh tế Châu Âu (gọi tắt là SGCI) đã được thành lập theo nghị định ngày 25 tháng 6 năm 1948 nhằm đảm bảo sự phối kết hợp giữa các Bộ ở Pháp trong việc phân phối các khoản “viện trợ Marschall”<sup>100</sup> nhằm tái thiết Châu Âu. Sau đó, cơ quan này đã dẫn tập trung vào các hoạt động trong khuôn khổ các Cộng đồng Châu Âu, với nhiệm vụ chủ yếu là làm cho chính sách của Pháp được thống nhất tại các thiết chế của Liên minh Châu Âu. SGCI là một mô hình thích ứng hệ thống hành chính quốc gia với sự phát triển các chức năng của Nhà nước trong một lĩnh vực đặc biệt. Có lẽ nên đưa ra một tên gọi mới đơn giản hơn cho dễ hiểu, vì tên gọi hiện nay của cơ quan này không còn hoàn toàn phù hợp với chức năng hiện tại của nó nữa.

SGCI là một cơ quan trực thuộc Thủ tướng, có chức năng tư vấn cho Thủ tướng trong phần lớn các công việc có liên quan đến Liên minh Châu Âu. SGCI đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ trong việc giải quyết các vấn đề thuộc trụ cột thứ nhất và thứ ba của Liên minh Châu Âu (Bộ Ngoại giao đảm nhận vai trò này khi liên quan đến các vấn đề thuộc trụ cột thứ 2, nghĩa là về chính sách đối ngoại và an ninh chung), gồm 180 nhân viên được phân bổ trong các lĩnh vực có quan hệ thẩm quyền theo “chiều ngang” (lĩnh vực pháp lý, lĩnh vực tài chính, lĩnh vực “Nghị viện”), hay theo “chiều dọc” (lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực “đối ngoại”, lĩnh vực “giao thông và chính sách vùng”, lĩnh vực “hợp tác”...).

<sup>100</sup> ND: Chương trình viện trợ của Mỹ dành cho các nước châu Âu nhằm khôi phục cơ sở hạ tầng và nền kinh tế sau chiến tranh thế giới lần thứ 2.

Thẩm quyền của SGCI được quy định tại nhiều thông tư khác nhau của Thủ tướng, như: thông tư ngày 21/3/1994 về quan hệ giữa các cơ quan hành chính Pháp và các thiết chế của Châu Âu, quy định các nguyên tắc tổ chức phối hợp công tác giữa các Bộ; thông tư ngày 21/4/1993, hướng dẫn áp dụng điều 84-4 của Hiến pháp, điều này cho phép Nghị viện Pháp tham gia vào tiến trình ra quyết định của Liên minh Châu Âu; thông tư ngày 19/7/1994 về vai trò của Nghị viện Pháp trong việc soạn thảo các văn bản của Liên minh Châu Âu; thông tư ngày 9/11/1998 về thủ tục giám sát việc chuyển hoá các chỉ thị của Liên minh Châu Âu vào trong nội luật; thông tư ngày 13/12/1999 hướng dẫn áp dụng điều 84-4 của Hiến pháp.

SGCI là nơi trung chuyển bắt buộc của tất cả các văn bản và các thông tin đến từ Liên minh Châu Âu, trước khi chuyển đến các cơ quan hành chính trung ương có liên quan. Và ngược lại, cơ quan này tập trung tất cả các văn bản của các Bộ để chuyển đến các thiết chế của Liên minh. Như vậy, SGCI giữ vai trò như một "hộp thư" trong mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước Pháp và Liên minh Châu Âu.

Chức năng chủ yếu của SGCI là đảm bảo sao cho quan điểm của các đại diện của nước Pháp phát biểu tại Bruxelles, đặc biệt là trong khuôn khổ các cuộc đàm phán về các đề xuất xây dựng văn bản của Liên minh Châu Âu, phải phù hợp với kết quả thỏa thuận đã được xác nhận một cách chính thức giữa các Bộ của Pháp. Sự thỏa thuận này được đưa ra tại các cuộc họp do SGCI tổ chức, trong đó đại diện của các Bộ có thể phát biểu ý kiến nêu ra quan điểm của mình để cùng nhau thảo luận; các cuộc họp này đều do một thành viên của SGCI làm chủ tọa và sau đó phải lập báo cáo kết quả. Nếu vấn đề nêu ra trong cuộc họp có tầm quan trọng chính trị đặc biệt, đòi hỏi phải có trọng tài của Văn phòng Thủ tướng Chính phủ, SGCI phải đứng ra yêu cầu trọng tài và sau đó đảm bảo sao cho kết quả trọng tài được tuân thủ đầy đủ (đôi khi việc trọng tài có thể do một hoặc một số Bộ yêu cầu). Khi Tổng thư ký của SGCI đồng thời được bổ nhiệm làm cố vấn về các vấn đề Châu Âu của Văn phòng Thủ tướng Chính phủ, thì vai trò của SGCI trong giai đoạn trọng tài cuối cùng đương nhiên sẽ được tăng lên.

Trong mọi trường hợp, các chỉ thị cho thành viên có thẩm quyền của Cơ quan đại diện thường trực của Pháp tại Bruxelles, là người sẽ chỉ đạo phái đoàn của Pháp tại các nhóm công tác hay tại các buổi làm việc của Ủy ban đại diện thường trực (COREPER), đều do SGCI soạn ra, kết hợp chặt chẽ với Bộ “chủ trì” và các Bộ có liên quan đến việc đàm phán. Các chỉ thị được chuyển đến Cơ quan đại diện thường trực bằng điện báo ngoại giao. Người phát ngôn của phái đoàn Pháp phải chuyển cho SGCI các bản báo cáo về những công việc đã được tiến hành tại Bruxelles để Tổng thư ký SGCI kiểm tra xem các chỉ thị kia có được thi hành hay không. Trong mỗi lần họp Hội đồng Liên minh Châu Âu, Bộ trưởng Pháp đều phải dựa vào một hồ sơ gồm những nhận xét, ghi chú của SGCI.

Khi Chính phủ Pháp muốn nhận được sự ủng hộ của một hay nhiều nước đối tác để tạo nên đa số hay thiểu số có giá trị phong toả đối với một điều khoản nào đó trong một văn bản đang được Liên minh đàm phán, SGCI sẽ phải can thiệp để giải thích, vận động các nước thành viên có liên quan về mối quan tâm và quan điểm của Pháp, thông qua các cuộc gặp gỡ song phương ở cấp Bộ trưởng hoặc cấp chuyên gia, hoặc thông qua Đại sứ của các Chính phủ có liên quan (phối hợp với Bộ Ngoại giao).

Trong quá trình đàm phán, SGCI có thể tiếp xúc với Ủy ban Châu Âu (các bộ phận hoặc các văn phòng uỷ viên) hoặc với Nghị viện Châu Âu để giải thích về quan điểm của Pháp hoặc để yêu cầu được giải thích về một điểm đặc biệt nào đó. SGCI thường xuyên tập hợp các “đặc trách viên”, là những người được các Bộ chỉ định để làm việc bên cạnh Nghị viện Châu Âu, để nghe báo cáo về những thông tin mà họ đã thu thập được từ các nghị sĩ Châu Âu, từ chủ nhiệm các ban hay từ các báo cáo viên, đồng thời để quyết định về quan điểm, lập trường của Pháp để những người này thể hiện tại Nghị viện Châu Âu ở Strasbourg. Những người có liên quan phải gửi báo cáo cho SGCI về những công việc đã thực hiện được.

SGCI có thể can thiệp bằng cách làm việc trực tiếp với các thiết chế của Liên minh Châu Âu hoặc uỷ quyền cho Đại diện thường trực của Pháp tiến hành những công việc mà mình muốn.

Đồng thời, SGCI còn có trách nhiệm đảm bảo sao cho Nghị viện Pháp phải nhận được các văn bản của Liên minh Châu Âu, trên cơ sở quy định tại điều 84-4 của Hiến pháp (nếu là những “dự thảo hoặc đề xuất văn bản của các Cộng đồng châu Âu và của Liên minh châu Âu trong đó có chứa đựng các điều khoản mang tính lập pháp”), hoặc trên cơ sở áp dụng Luật “Josselin” số 90-358, ngày 10/5/1990 (với các văn bản khác, xem chương 10). SGCI được nhận các nghị quyết do Quốc hội và Nghị viện thông qua theo quy định tại điều 84-4 nêu trên. SGCI theo dõi tất cả các văn bản đang được Nghị viện xem xét để có thể sẽ thông qua một nghị quyết. SGCI còn tổ chức những cuộc họp liên Bộ giúp Chính phủ nghiên cứu, tìm cách nắm bắt các nghị quyết của Nghị viện và để sử dụng chúng trong khuôn khổ các cuộc đàm phán tại Bruxelles.

Ngoài ra, SGCI còn có trách nhiệm chỉ đạo công tác chuyển hoá các chỉ thị của Liên minh Châu Âu vào trong nội luật. Đặc biệt, SGCI phải đảm bảo sao cho các Bộ chủ trì hoàn tất việc soạn thảo bản dự thảo văn bản luật chuyển hoá trong thời hạn thích hợp, sao cho tất cả các Bộ liên quan đều có thời gian để đưa ra quan điểm của họ về văn bản đó trước khi được Văn phòng Thủ tướng Chính phủ hợp thức hoá, Tham chính Viện (hay còn gọi là Tòa án hành chính tối cao) xem xét, Nghị viện và Quốc hội thông qua (nếu có). SGCI còn có trách nhiệm tổng đạt các văn bản chuyển hoá của Pháp cho Ủy ban Châu Âu, thông qua Cơ quan đại diện thường trực của Pháp tại Bruxelles.

Cuối cùng, SGCI phải đảm bảo sao cho pháp luật Liên minh Châu Âu được áp dụng tốt ở nước Pháp. Để thực hiện nhiệm vụ đó, SGCI phối hợp với Ủy ban Châu Âu và các Bộ có liên quan để giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc giải thích luật của Liên minh. Theo yêu cầu và trong thời hạn do SGCI đưa ra, các Bộ phải chuẩn bị dự thảo văn bản phúc đáp các yêu cầu và các kiến nghị có lý do chính đáng đã được gửi cho Chính phủ Pháp. SGCI có thể tham gia vào các “cuộc họp có gói” với thành viên của Ủy ban Châu Âu tại Bruxelles, tức là để lập một bản kiểm kê các hồ sơ có thể được đưa ra Tòa án Liên minh Châu Âu giải quyết và tìm cách giải quyết những khó khăn gặp phải trong các hồ sơ này theo con đường thoả thuận. Các cuộc “họp có gói” có thể được tổ chức tại Paris. Trong trường hợp đó, địa điểm tổ chức là tại trụ sở của SGCI.

## Chương 10

# Sự tham gia của Nghị viện Pháp vào tiến trình ra quyết định của Liên minh Châu Âu

Bản tuyên bố số 13 kèm theo Hiệp ước Maastricht đã khuyến khích các nước thành viên tổ chức cho Nghị viện nước mình tham gia một cách rộng rãi hơn vào các hoạt động của Liên minh Châu Âu. Để thực hiện tuyên bố này, Pháp đã đưa ra quy định tại điều 84-4 của Hiến pháp, thông qua văn bản luật sửa đổi bổ sung Hiến pháp ngày 25 tháng 6 năm 1992.

Điều 84-4 quy định nếu đề xuất xây dựng văn bản của Liên minh Châu Âu có chứa đựng những điều khoản thuộc thẩm quyền lập pháp của Pháp (theo quy định tại điều 34 của Hiến pháp), Chính phủ có nghĩa vụ phải chuyển nội dung đề xuất cho Nghị viện xem xét.

Điều 84-4 đã quy chiếu đến các "*đề xuất văn bản của Liên minh châu Âu*". Đề xuất nói đến ở đây phải là những đề xuất mang tính chính thức, đã được tập thể thành viên Ủy ban Châu Âu thông qua, chứ không phải là những văn bản do các bộ phận của Ủy ban Châu Âu soạn ra và vẫn còn ở giai đoạn dự thảo. Hơn nữa, đó phải là những "*văn bản cộng đồng Châu Âu*", tức là không tính đến các văn bản được thông qua trong khuôn khổ của trụ cột thứ 2 và thứ 3 của Liên minh Châu Âu (thuộc mảng PESC + JAI) cũng như các văn bản giữa các thiết chế của Liên minh với nhau. Đồng thời, đề xuất văn bản phải "*chứa đựng điều khoản mang tính chất lập pháp*", do đó không thể là những văn bản như văn bản định giá nông sản, vì thể loại văn bản này không có điều khoản nào mang tính chất lập pháp cả.

Nếu văn bản không được chuyển cho Nghị viện theo thủ tục quy định tại điều 84-4 của Hiến pháp thì chúng cũng phải được chuyển theo điều khoản áp dụng luật "Josselin", ngày 10/5/1990.

Các nghị sĩ có thể (nhưng không bắt buộc) ra nghị quyết về tất cả các văn bản đã được chuyển theo quy định của điều 84-4. Các nghị quyết này không có giá trị pháp lý bắt buộc nhưng đương nhiên là có giá trị về mặt chính trị, vì Chính phủ không thể dễ dàng làm ngơ trước kiến nghị của các nghị sĩ; các nghị sĩ muốn rằng Chính phủ phải lưu ý đến nghị quyết của họ khi tham gia đàm phán tại Bruxelles.

Tham chính viện có nhiệm vụ chỉ ra cho Chính phủ thấy trong số các đề xuất văn bản của Liên minh Châu Âu, mà Ủy ban Châu Âu đã chuyển cho Hội đồng Châu Âu, đề xuất nào có chứa điều khoản mang tính chất lập pháp.

Khoảng thời gian từ khi đề xuất văn bản được chuyển cho Hội đồng đến khi văn bản được chính thức thông qua là dài hay ngắn tùy thuộc vào lĩnh vực mà văn bản đó đề cập đến (từ vài tháng đến vài năm), và vào các thoả thuận từng phần (sau này ít có khả năng được xem xét lại) có thể được thực hiện đối với từng điểm cụ thể của văn bản trong quá trình tiến hành thủ tục ra quyết định (tại nhóm công tác, COREPER và Hội đồng). Trong thời gian sớm nhất có thể, Nghị viện phải phát biểu ý kiến về văn bản của Ủy ban nếu muốn có ảnh hưởng thực sự đến việc quyết định nội dung các quy phạm của Cộng đồng trong quá trình đàm phán.

Thế nhưng, quá trình chuyển văn bản quá phức tạp thường dẫn đến thực tế là các nghị sĩ không thể biết ngay được nội dung các đề xuất của Ủy ban Châu Âu: từ khi đăng ký tại SGCI, chuyển sang cho Tham chính Viện, lấy ý kiến của Tham chính Viện, đến khi gửi cho Nghị viện thông qua Cơ quan Tổng thư ký của Chính phủ. Thông thường phải mất hai tuần kể từ lúc Ủy ban Châu Âu chuyển đề xuất cho Hội đồng Liên minh Châu Âu cho đến khi các nghị sĩ có được bản đề xuất trong tay. Về vấn đề này, thông tư ngày 31/7/1992 (không được công bố) đã quy định thời hạn tối đa 15 ngày cho việc chuyển các đề xuất văn bản của Liên minh Châu Âu đến Nghị viện Pháp. Trong khoảng thời gian này, Tham chính Viện phải cho biết đề xuất văn bản có chứa đựng điều khoản nào mang tính chất lập pháp không.



Hơn nữa, Hạ viện và Thượng viện cũng cần phải có một khoản thời gian nhất định để nghiên cứu văn bản nhận được, mà đôi khi các văn bản này rất phức tạp. Do đó, các nhóm công tác và COREPER đã có thể bắt đầu công việc của mình ngay cả trước khi Nghị viện thông qua các nghị quyết của mình. Có trường hợp khi mà Chính phủ biết được quan điểm của các nghị sĩ thì một số thoả thuận về những điểm đặc biệt của văn bản đã được thông qua rồi. Khi đó, đương nhiên Nghị viện khó có thể có ảnh hưởng thực sự đến quan điểm của Chính phủ trong các cuộc đàm phán.

Bản "Nghị định thư về vai trò của Nghị viện các nước thành viên trong Liên minh châu Âu", kèm theo Hiệp ước Amsterdam ngày 2/10/1997, đã thể hiện được ý chí của Liên minh Châu Âu 15 nước là muốn Nghị viện của các nước thành viên tham gia chặt chẽ hơn nữa vào hoạt động của Liên minh. Đồng thời, Nghị định thư cũng nhắc lại rằng: "*việc kiểm tra, giám sát của Nghị viện các nước thành viên đối với Chính phủ nước mình trong các hoạt động tại Liên minh châu Âu thuộc về cơ cấu tổ chức và thực tế hiến định riêng tại mỗi nước thành viên*". Đặc biệt, Nghị định thư còn quy định rằng tất cả các văn bản tham khảo của Ủy ban Châu Âu (Sách trắng, Sách xanh, thông báo) "*phải được nhanh chóng chuyển cho Nghị viện của các nước thành viên...*".

Ngoài ra, Liên minh Châu Âu còn có quy định rằng trong thời hạn sáu tuần, kể từ khi đã được chuyển cho Hội đồng và Nghị viện Châu Âu, đề xuất của Ủy ban Châu Âu về biện pháp cần được thực hiện trong khuôn khổ của JAI phải được ghi vào chương trình nghị sự của Hội đồng Châu Âu để đợi ngày Hội đồng đưa ra một quyết định, thông qua một văn bản hay một quan điểm chung (có thể có những ngoại lệ về thời hạn trong trường hợp khẩn cấp). Quy định về thời hạn này ít ra cũng cho phép Nghị viện của các nước thành viên có đủ thời gian để thể hiện quan điểm về đề xuất của các thiết chế của Liên minh, đặc biệt là đối với các quyết định trong khuôn khổ của trụ cột hợp tác thứ ba của Liên minh Châu Âu.

Luật hiến pháp ngày 18 tháng 1 năm 1999, được thông qua nhằm tiến tới phê chuẩn Hiệp ước Amsterdam, đã sửa đổi điều 84-4 như sau: "*Ngay sau khi các bản dự thảo hoặc bản đề xuất văn bản của các Cộng đồng châu Âu và của Liên minh châu Âu được chuyển lên Hội đồng Liên minh*

*châu Âu. Chính phủ phải trình lên Hạ viện và Thượng viện các bản dự thảo hoặc bản đề xuất văn bản có chứa những quy định mang tính chất lập pháp. Chính phủ cũng có thể trình lên Hạ viện và Thượng viện bất cứ dự thảo hoặc đề xuất nào khác cũng như các văn bản của các thiết chế trong Liên minh châu Âu.*

*Tùy theo thể thức khác nhau được quy định trong quy chế hoạt động của mỗi Viện, các Viện có thể thông qua các nghị quyết, trong một số trường hợp có thể thông qua ngoài phiên họp, về các dự thảo, các đề xuất văn bản hoặc văn bản nêu ở đoạn trên”.*

Như vậy, giờ đây Hạ viện hội và Thượng viện có thể ra nghị quyết:

- Không chỉ về các “đề xuất” văn bản mà về cả các “dự thảo” văn bản trong đó có chứa đựng điều khoản mang tính chất lập pháp;
- Về bất cứ văn bản nào của Liên minh Châu Âu, kể cả các văn bản thuộc trụ cột hợp tác thứ 2 và thứ 3 (PESC và JAI), một khi văn bản đó có chứa điều khoản mang tính chất lập pháp.

Đồng thời, Chính phủ còn có thể chuyển cho Nghị viện các văn bản không có giá trị lập pháp hay các tài liệu của một thiết chế nào đó trong Liên minh Châu Âu, để Nghị viện đưa ra nghị quyết. Khái niệm “tài liệu” được hiểu là các văn bản trừ bị hay các văn bản không mang tính quyết định như thông báo, nghị quyết, Sách trắng, Sách xanh... Các tài liệu này còn có thể có nguồn gốc từ các thiết chế không trực tiếp tham gia vào tiến trình đưa ra các quyết định trong Liên minh.

# Chương 11

## Chính sách và hành động của Liên minh Châu Âu

### 1. Chính sách nông nghiệp chung

Chính sách nông nghiệp chung bao gồm hai nhóm:

- Chính sách *hỗ trợ thị trường* (với hệ thống giá cả chung, cơ chế bảo đảm, đóng thuế khi nhập và hoàn thuế khi xuất, cơ chế nông nghiệp-tiền tệ, trợ cấp trực tiếp cho các nhà sản xuất nông nghiệp), được tài trợ thông qua khu vực “bảo đảm” của FEOGA (Quỹ định hướng phát triển và bảo đảm nông nghiệp của Liên minh Châu Âu);
- Chính sách *cơ cấu nông nghiệp* (nghỉ hưu trước tuổi, giảm diện tích trồng trọt, đào tạo...) được tài trợ thông qua khu vực “định hướng” của FEOGA.

Chính sách cải cách Mac Sharry ngày 21 tháng 5 năm 1992 đã quy định về việc giảm đáng kể mức giá chung, về việc để đất trống và về các khoản trợ cấp trực tiếp cho nhà nông (các khoản trợ cấp này thay cho các khoản trợ cấp sản xuất). Trong bản “Lịch trình 2000” đưa ra ngày 15 tháng 7 năm 1997, Ủy ban Châu Âu đã đề xuất việc cải tổ lại chính sách nông nghiệp chung theo chiều sâu (một lần nữa giảm mạnh mức giá chung) và theo cả chiều rộng, để áp dụng với một số sản phẩm mới (đặc biệt là các sản phẩm được làm từ sữa) trong cuộc cải cách năm 1992. Hội đồng Châu Âu họp tại Berlin tháng 3 năm 1999 đã thông qua được một thoả thuận về việc cải cách các chính sách nông nghiệp chung, trong đó đã áp dụng phần lớn các đề xuất của Ủy ban Châu Âu.

Chính sách nông nghiệp chung sử dụng khoảng 50% các khoản ngân sách của Liên minh Châu Âu.

## 2. Chính sách về cạnh tranh

Tự do cạnh tranh là nguyên tắc của hệ thống kinh tế cộng đồng từ thuở sơ khai. Tự do cạnh tranh cho phép người tiêu dùng có thể lựa chọn các sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp khác nhau đến từ các nước thành viên của Cộng đồng với giá cả hợp lý nhất. Hiệp ước Rôma và một số văn bản khác của Liên minh Châu Âu quy định:

- Cấm thực hiện các thoả thuận chống cạnh tranh;
- Cấm lạm dụng vị trí ưu thế;
- Kiểm soát các khoản trợ cấp Nhà nước (trên nguyên tắc, các nước thành viên phải thông báo cho Ủy ban Châu Âu biết về các chương trình trợ cấp của mình);
- Kiểm soát chặt chẽ các hệ thống phân phối có chọn lọc;
- Kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật cộng đồng Châu Âu qua các doanh nghiệp Nhà nước hoặc các doanh nghiệp được hưởng các quyền ưu đãi hoặc chế độ ngoại tệ;
- Thực hiện chế độ giám sát các hoạt động hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

Ủy ban Châu Âu là cơ quan có trách nhiệm hàng đầu trong việc bảo đảm sao cho các doanh nghiệp và các nước thành viên tuân thủ đầy đủ các quy định của Cộng đồng về tự do cạnh tranh. Các quy định này còn ảnh hưởng đến cả việc hoạch định chính sách công nghiệp của các nước thành viên và đến công tác quản lý dịch vụ công của mỗi nước.

Về vấn đề này, Hiệp ước Amsterdam quy định: "*Căn cứ vào vị trí của các dịch vụ công ích so với các giá trị chung của Liên minh, căn cứ vào*

*vai trò của các dịch vụ công ích trong việc phát triển sự đoàn kết trong xã hội và giữa các quốc gia trong Liên minh, Cộng đồng và các nước thành viên, trong phạm vi thẩm quyền riêng của mỗi bên và trong phạm vi áp dụng của Hiệp ước này, phải đảm bảo sao cho các tổ chức thực hiện dịch vụ công ích hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc và trong điều kiện cho phép hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao”.*

### **3. Chính sách phát triển vùng**

Chính sách này nhằm mục đích giảm khoảng cách phát triển giữa các vùng khác nhau trong Liên minh.

Chính sách phát triển vùng được tài trợ thông qua các quỹ phát triển cơ cấu của Liên minh, gồm: Quỹ phát triển các vùng (FEDER), Quỹ xã hội (FSE), Quỹ định hướng phát triển và bảo đảm nông nghiệp (FEOGA-mảng định hướng), Quỹ liên kết, Quỹ định hướng phát triển ngư nghiệp (IFOP).

Chính sách phát triển khu vực huy động tới 1/3 ngân sách của Liên minh Châu Âu và được thực hiện dựa trên nhiều nguyên tắc: nguyên tắc tập trung (ngân sách được đầu tư nhằm đạt được một số mục tiêu cụ thể nhất định và trên một số khu vực nhất định), nguyên tắc kế hoạch hoá (các chương trình hành động), nguyên tắc hợp tác (giữa các thiết chế của Cộng đồng, của Nhà nước thành viên và của địa phương), nguyên tắc bổ sung (Liên minh chỉ trợ giúp thêm vào các nỗ lực của bản thân các quốc gia thành viên) và nguyên tắc hỗ trợ.

### **4. Chính sách thương mại chung**

Liên minh phát triển một chính sách thương mại tự do (trong mối liên hệ với Tổ chức thương mại thế giới) thuộc thẩm quyền chuyên biệt của Cộng đồng, nhằm phát hiện các nhân tố gây cản trở cho sự trao đổi thương mại và nhằm tạo điều kiện thâm nhập thị trường thế giới.

## 5. Chính sách chung về giao thông

Mãi đến những năm 80 chính sách này mới được đưa ra, sau khi đã có sự chỉ trích của Hội đồng Châu Âu về thiếu sót đáng trách này (một số nước thành viên muốn tránh không phải áp dụng nguyên tắc tự do cạnh tranh trong lĩnh vực giao thông vận tải càng lâu càng tốt).

Chính sách chung tác động đến mọi loại hình vận tải (đường sắt, đường bộ, đường biển, đường hàng không và đường sông) nhằm mục đích khuyến khích phát triển, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh và đảm bảo điều kiện làm việc tốt. Chính sách này cũng nhằm mục đích tìm ra giải pháp cải thiện cơ sở hạ tầng, điều hoà lợi ích của các công ty và quy định về điều kiện tham gia hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải.

## 6. Các mạng lưới xuyên Châu Âu

Mục đích là cho tất cả các doanh nghiệp được tham gia vào thị trường chung rộng lớn của Liên minh Châu Âu, bằng cách tạo điều kiện phát triển các mạng lưới năng lượng, giao thông, viễn thông và cho phép kết nối các mạng này với nhau (ví dụ đường hầm nối Vương quốc Anh với lục địa Châu Âu xuyên qua eo biển Manche, mạng lưới đường sắt cao tốc...).

## 7. Chính sách kinh tế và tiền tệ (*xem chương 12*)

## 8. Chính sách xã hội

Nhằm phát triển việc làm, cải thiện điều kiện sống và điều kiện làm việc, đảm bảo công tác bảo trợ xã hội một cách hiệu quả, thúc đẩy đối thoại xã hội, đảm bảo đối xử bình đẳng giữa nam và nữ, chống lại nạn buôn cùng hoá trong xã hội...

Trước đây, Vương quốc Anh được hưởng một điều khoản ngoại lệ (*opting-out*), nhưng nước này đã từ chối áp dụng điều khoản đó từ khi Hiệp ước Amsterdam có hiệu lực.

Liên minh Châu Âu cũng đã ký kết một bản hiến chương về các quyền xã hội cơ bản vào năm 1989, tại Strasbourg.

## **9. Nghiên cứu và phát triển công nghệ**

Thông qua chương trình khung cho một giai đoạn nhiều năm và các chương trình chuyên biệt, chính sách này nhằm tăng cường cơ sở khoa học và công nghệ của Cộng đồng, tạo điều kiện phát triển tính cạnh tranh của mình trên trường quốc tế và khuyến khích hoạt động nghiên cứu, được cho là cần thiết như quy định tại các chương khác của Hiệp ước.

## **10. Hợp tác phát triển**

Nhằm viện trợ và trợ giúp các nước đang phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau, trong khuôn khổ của các Công ước Lomé và Yaoundé.

## **11. Bảo vệ môi trường**

Nhằm gìn giữ, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường sống, bảo vệ sức khoẻ con người, đảm bảo sử dụng một cách thận trọng và hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, khuyến khích cộng đồng thế giới áp dụng các biện pháp giải quyết vấn đề môi trường của một số khu vực trên thế giới và những vấn đề môi trường mang tính toàn cầu.

Nguyên tắc chỉ đạo hành động của Cộng đồng là các nguyên tắc hành động mang tính phòng ngừa từ trước, nguyên tắc sửa chữa những tổn hại đã gây ra cho môi trường và nguyên tắc “gây ô nhiễm-trả tiền” (tức là người nào gây ra ô nhiễm thì phải gánh chịu các chi phí cho việc ngăn ngừa và sửa chữa những thiệt hại mà mình gây ra).

Hành động của Liên minh được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau, như đấu tranh chống ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm khí quyển, đấu tranh chống tác hại của ô nhiễm âm thanh, thu gom và xử lý rác thải, bảo tồn di sản thiên nhiên, quy định điều kiện về bao bì, nhãn mác và lưu thông của các sản phẩm hoá học...

## 12. Bảo vệ người tiêu dùng

Nhằm đảm bảo thật tốt công tác bảo vệ người tiêu dùng.

Một uỷ ban tư vấn người tiêu dùng đã được thành lập năm 1993.

## 13. Chính sách công nghiệp

Mục đích đương nhiên là nhằm đảm bảo sức cạnh tranh của nền công nghiệp trong Liên minh Châu Âu, thông qua các biện pháp cải tổ về cơ cấu, tạo điều kiện phát huy tiềm năng đổi mới và xây dựng một môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển và hợp tác với nhau.

## 14. Sức khoẻ cộng đồng

Nhằm đảm bảo tốt công tác bảo vệ sức khoẻ con người, phòng ngừa và chữa trị bệnh tật, các đại dịch (như AIDS), nạn tiêm trích ma tuý. Sức khoẻ được coi như một bộ phận cấu thành của các chính sách khác.

Hiệp ước Amsterdam ngày 2 tháng 10 năm 1997 quy định: một là, Hội đồng phải thông qua *“các biện pháp quy định chuẩn mực cao của chất lượng và sự an toàn của các bộ phận và các chất có nguồn gốc từ cơ thể người, của máu và các sản phẩm phái sinh từ máu”* (các nước thành viên vẫn có thể giữ lại hoặc đưa ra các biện pháp bảo vệ chặt chẽ hơn); hai là *“hành động của Liên minh trong lĩnh vực sức khoẻ cộng đồng phải tuân thủ đầy đủ các quy định về thẩm quyền của các nước thành viên trong việc tổ chức và cung cấp dịch vụ y tế và chăm sóc sức khoẻ”*, đặc biệt là đối với việc cho và nhận cơ quan người, cho và nhận máu hay việc sử dụng những sản phẩm đó vào mục đích y học.

## 15. Giáo dục

Nhằm mục đích phát triển giáo dục trong Liên minh Châu Âu, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh được tự chọn nơi làm việc và học tập, thúc đẩy sự hợp tác giữa các trường học.



Cộng đồng chỉ hỗ trợ hoạt động của các nước thành viên (không có sự điều tiết) thông qua các chương trình trao đổi kinh nghiệm.

## **16. Văn hoá**

Nhằm tạo điều kiện phát triển văn hoá của các nước thành viên thông qua việc truyền bá rộng rãi văn hoá Châu Âu, bảo tồn di sản văn hoá và tăng cường trao đổi văn hoá và sáng tạo nghệ thuật.

Liên minh Châu Âu không theo được chính sách hài hòa hóa về phương diện văn hóa.

## **17. Đào tạo nghề nghiệp**

Nhằm tạo điều kiện cho người lao động thích nghi với những biến chuyển của nền công nghiệp, cải thiện công tác đào tạo nghề, tạo điều kiện cho giáo viên và học viên được làm việc và học tập dễ dàng trong Liên minh Châu Âu, thúc đẩy hợp tác đào tạo, tăng cường trao đổi thông tin và kinh nghiệm.

Cộng đồng chỉ có vai trò hỗ trợ cho những nỗ lực của bản thân các nước thành viên.

## **18. Chính sách về thị thực**

Vấn đề thị thực chỉ đặt ra khi công dân các nước thành viên đi ra ngoài lãnh thổ của Cộng đồng. Hiệp ước Maastricht đã chuyển giao thẩm quyền này cho Cộng đồng thực hiện.

## **19. Chính sách đối ngoại và an ninh chung (PESC)**

PESC thuộc lĩnh vực hợp tác liên chính phủ, nghĩa là không có việc chuyển giao chủ quyền của các nước thành viên tham gia cho các thiết chế chung, các nước thành viên vẫn muốn bảo lưu quyền tự quyết trong lĩnh vực này.

Mục đích cơ bản của PESG là nhằm tìm ra quan điểm chung và hành động chung, được quyết định theo nguyên tắc nhất trí toàn thể (còn phương thức thực hiện có thể được thông qua theo nguyên tắc đa số tuyệt đối).

PESG bao gồm cả các vấn đề về an ninh, liên quan đến Liên minh Tây Âu (UEO). Đơn Mạch được hưởng điều khoản ngoại lệ đối với các vấn đề về quốc phòng.

Hiệp ước Amsterdam quy định Hội đồng Châu Âu có thể quyết định về *“các chiến lược chung sẽ được Liên minh thực hiện, trong các lĩnh vực mà các nước thành viên có nhiều lợi ích chung quan trọng”*. Các chiến lược chung được quyết định theo nguyên tắc nhất trí toàn thể, trong đó có chỉ ra mục tiêu, thời hạn của các mục tiêu đó cũng như các phương tiện cần được huy động. Ngoài ra, còn có quy định cho phép các nước thành viên nếu muốn thì có thể *“rút lui mang tính xây dựng”*, sao cho việc họ rút lui không gây khó khăn cho các nước còn lại trong việc thực hiện các hành động mà họ đã cùng nhau quyết định.

## 20. Tư pháp và nội vụ (JAI)

Bao gồm hợp tác tư pháp, cảnh sát và hải quan. Cũng như PESG, JAI là một mô hình hợp tác liên chính phủ trong đó các nước thành viên có thể tìm ra quan điểm chung và thực hiện các hành động chung.

Trong khuôn khổ của JAI, các nước thành viên đã thông qua nhiều bản khuyến nghị, nghị quyết và các bản kết luận. Các văn bản này không có giá trị pháp lý.

Hiệp ước Amsterdam đã quy định về việc *“Công đồng hoá”* một phần và từng bước (trong giai đoạn 5 năm) các chính sách hợp tác tư pháp và nội vụ JAI.

## 21. Chính sách việc làm

Được đưa ra trong Hiệp ước Amsterdam ngày 2 tháng 10 năm 1997 (cùng với nghị quyết về tạo việc làm), chính sách này nhằm:

- Ưu tiên thực hiện các chính sách cải cách về cơ cấu so với các biện pháp bị giới hạn và mang tính tình thế;
- Xây dựng một môi trường thuế thuận lợi cho việc tạo thêm việc làm;
- Tổ chức công tác giám sát đa phương đối với các chính sách về việc làm của các nước thành viên.

Ngoài ra, Hiệp ước còn quy định về việc thành lập Ủy ban tư vấn việc làm. Chính sách việc làm được tài trợ chủ yếu thông qua các khoản vay từ Ngân hàng đầu tư Châu Âu và lấy từ các khoản dư ngân sách hoạt động của Cộng đồng Than Thép Châu Âu, kể từ năm 2002.

## Chương 12

# Liên minh kinh tế tiền tệ

Hiệp ước Maastricht ngày 7 tháng 2 năm 1992 quy định về việc xây dựng Liên minh kinh tế và tiền tệ (với đồng tiền duy nhất) chậm nhất vào ngày 1 tháng 1 năm 1999. Khi mục tiêu này đã được thực hiện, các nước thành viên sẽ phải chuyển giao phần lớn các thẩm quyền về tiền tệ cho Liên minh Châu Âu. Tuy các chính sách kinh tế chung vẫn thuộc thẩm quyền quyết định của các nước thành viên (nhưng các chính sách đó phải được phối hợp giữa các nước), nhưng phạm vi quyết định của họ đã bị hạn chế do phải tuân thủ một số quy định bắt buộc (về chống lạm phát và thâm hụt ngân sách công, giữ giá đồng tiền trong nước) và do có sự chông chéo đan xen của các vấn đề kinh tế và tiền tệ.

Liên minh kinh tế và tiền tệ có thể đem lại nhiều thuận lợi cho Cộng đồng, như:

- Hạn chế được các rủi ro trong thương mại do phải chuyển đổi giữa nhiều ngoại tệ;
- Giảm sự phụ thuộc của Châu Âu đối với đồng đô la Mỹ và tăng cường sự ảnh hưởng của Liên minh Châu Âu tại các thiết chế tiền tệ quốc tế;
- Loại bỏ các chi phí giao dịch và các chi phí liên quan đến việc quản lý rủi ro hối đoái đối với các doanh nghiệp;
- Đơn giản hoá công tác quản lý của các doanh nghiệp;
- Cải thiện hiệu năng kinh tế của Liên minh Châu Âu nhờ vào sự đồng nhất các chính sách kinh tế của các nước thành viên;

- Tạo điều kiện thuận lợi để công dân của Liên minh được tự do đi lại.

## 1. Trước Hiệp ước Maastricht

- Hiệp ước Rôma chỉ nêu ra một vài nguyên tắc trong việc phối hợp các chính sách tiền tệ quốc gia (thành lập một uỷ ban về tiền tệ) và các chính sách hối đoái.
- Uỷ ban các thống đốc ngân hàng trung ương được thành lập năm 1964.
- *Kế hoạch Barre ngày 12 tháng 2 năm 1969* (R. Barre nguyên là phó Chủ tịch Uỷ ban Châu Âu, phụ trách vấn đề kinh tế và tiền tệ vào thời bấy giờ) khuyến nghị tăng cường thiết lập kỷ cương kinh tế nhằm ngăn ngừa khủng hoảng tiền tệ trong Cộng đồng Châu Âu (nhờ vào việc thống nhất các chính sách kinh tế trung hạn và phối hợp các chính sách kinh tế ngắn hạn), và tăng cường đoàn kết để chống lại các cuộc khủng hoảng tiền tệ.
- *Hội nghị thượng đỉnh La Haye năm 1969* đưa ra quyết định về việc từng bước thành lập Liên minh kinh tế và tiền tệ.
- *Báo cáo Werner* (nguyên Thủ tướng Luxembourg) năm 1970 đề xuất việc xây dựng Liên minh kinh tế và tiền tệ trong giai đoạn 10 năm.
- *Hiệp ước Bále ngày 10 tháng 4 năm 1972* thiết lập “*con rắn tiền tệ*” quy định mức dao động giữa các đồng tiền giảm xuống còn ở mức 2,25%, và ngân hàng trung ương phải can thiệp để bảo vệ tỷ giá đồng tiền đang bị suy yếu khi mức dao động của đồng tiền đó vượt quá giới hạn cho phép.
- *Hội đồng Châu Âu tại Brème tháng 7 năm 1978* quyết định thành lập *Hệ thống tiền tệ Châu Âu* (SME), có hiệu lực từ ngày 13 tháng 3 năm 1973. Đồng ê-cu là đồng tiền quy chiếu, được sử dụng làm mức quy chiếu để tính toán tỷ giá trao đổi giữa các đồng tiền quốc gia. Đồng tiền của mỗi nước thành viên có một tỷ giá

cứng gắn với đồng ê-cu, trên cơ sở đó để xác định mức hối đoái so với một đồng tiền khác. Mức dao động lên hay xuống của các tỷ giá hối đoái này không được vượt quá  $\pm 2,25\%$  (hay  $\pm 15\%$ , kể từ ngày 2 tháng 8 năm 1993).

- Năm 1986, *Định ước Châu Âu duy nhất* thừa nhận sự tồn tại của Hệ thống tiền tệ Châu Âu đồng thời dự định khả năng phát triển hơn nữa sự hợp tác trong lĩnh vực tiền tệ thông qua các thiết chế, nhưng việc thực hiện dự định này như thế nào tùy thuộc vào việc sửa đổi hiệp ước sau này.

## 2. Sau khi Hiệp ước Maastricht được ký kết

Hiệp ước Maastricht dự kiến phát triển Liên minh kinh tế và tiền tệ thông qua ba giai đoạn:

### • Giai đoạn 1:

Giai đoạn 1 đã được khởi đầu ngày 1 tháng 7 năm 1990, thời điểm Chỉ thị số 88/361 ra ngày 24 tháng 6 năm 1988 bắt đầu có hiệu lực. Chỉ thị này yêu cầu thực hiện tự do hoá toàn bộ và vô điều kiện sự chu chuyển của tư bản bên trong Cộng đồng.

Cũng trong giai đoạn này, cơ chế phối hợp chính sách kinh tế của các nước thành viên đã được tăng cường và Cộng đồng đã tìm kiếm các biện pháp nhằm thực hiện rộng rãi hơn nữa sự hội nhập của các nền kinh tế Châu Âu.

### • Giai đoạn 2:

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 1994. Đây là giai đoạn quá độ để các nước thành viên tăng cường nỗ lực nhằm hội nhập về kinh tế.

*Viện tiền tệ Châu Âu* (IME) được thành lập tại Francfort (Đức), có vai trò đảm nhận công tác chuẩn bị cho sự ra đời và đi vào hoạt động của Ngân hàng trung ương Châu Âu.

**Kỷ luật về ngân sách** đã được áp dụng đối với các nước thành viên:

- Không được chi tiền bù vào các khoản thâm hụt ngân sách công (Nhà nước không được sử dụng biện pháp phát hành thêm tiền), không ưu tiên các cơ quan công quyền tham gia vào thị trường để phát hành trái phiếu công;
- Khi một nước thành viên gặp khó khăn, các nước khác và Ủy ban Châu Âu không được tự động cứu trợ;
- Không thâm hụt ngân sách công quá mức (xem phần các tiêu chí hội nhập);
- Khoản vay không bao giờ được vượt quá khoản chi cho đầu tư.

Hội đồng Châu Âu có thể ra khuyến cáo khi một nước thành viên nào đó không tuân thủ các quy định này. Thậm chí, Hội đồng còn có thể áp dụng các biện pháp nghiêm khắc hơn, đặc biệt là có thể yêu cầu Ngân hàng trung ương Châu Âu xem xét lại chính sách cho vay của mình đối với nước có vi phạm hoặc áp dụng chế tài phạt tiền ở mức thích đáng.

Các nước thành viên chỉ được tham gia giai đoạn ba của Liên minh kinh tế và tiền tệ Châu Âu khi đáp ứng được các **“tiêu chí hội nhập”** (đánh giá về xu hướng:

- Giá cả ổn định: tỷ lệ lạm phát không được vượt quá 1,5% so với mức trung bình tỷ lệ lạm phát của ba nước có mức lạm phát thấp nhất;
- Thâm hụt ngân sách phải ở mức dưới 3% tổng sản phẩm quốc dân;
- Nợ quốc gia không vượt quá 60% tổng sản phẩm quốc dân;
- Lãi suất dài hạn không được vượt quá hoặc thấp hơn 2% so với trung bình lãi suất của ba nước có mức lạm phát thấp nhất;
- Đồng tiền trong nước không bị mất giá trong hai năm và phải nằm

trong mức dao động được quy định trong Hệ thống tiền tệ Châu Âu (SME).

Ngoài ra, ngân hàng trung ương của các nước thành viên phải đảm bảo được tính độc lập đối với các cơ quan công quyền.

### • Giai đoạn 3:

Hiệp ước Maastricht dự kiến giai đoạn ba sẽ được bắt đầu sớm nhất vào ngày 1 tháng 1 năm 1997 và muộn nhất vào ngày 1 tháng 1 năm 1999.

Ngày 31 tháng 5 năm 1995, Ủy ban Châu Âu đã thông qua cuốn "*Sách xanh về thể thức chuyển sang đồng tiền duy nhất*", trong đó dự kiến một lịch trình rất chính xác để tiến tới đồng tiền duy nhất và đã được Hội đồng Châu Âu tại Madrid hợp thức hoá tháng 12 năm 1995. Lịch trình như sau:

- **31 tháng 12 năm 1996:** xác định khuôn khổ làm việc cho phép Ngân hàng trung ương Châu Âu (BCE) và Hệ thống các ngân hàng trung ương Châu Âu (SEBC) hoàn thành sứ mệnh của mình trong giai đoạn ba của Liên minh kinh tế và tiền tệ; soạn thảo các quy định pháp luật về BCE và SEBC và về việc đưa đồng tiền duy nhất vào sử dụng, đồng tiền chung duy nhất được Hội đồng Châu Âu tại Madrid quyết định đặt tên là đồng "euro".
- **1998:** Các nguyên thủ quốc gia chọn ra các nước đã đáp ứng được những điều kiện cần thiết để chuyển sang giai đoạn sử dụng đồng tiền duy nhất (trừ Hy Lạp và Thụy Điển là chưa hội đủ được các điều kiện quy định tại Hiệp ước Maastricht), dựa trên các số liệu kinh tế thu được trong năm 1997. Bổ nhiệm ban lãnh đạo BCE và định ngày đưa đồng euro dưới dạng tiền giấy và tiền xu vào sử dụng.

Trong bản báo cáo về vấn đề "hội nhập" đưa ra ngày 25 tháng 3 năm 1998, Ủy ban Châu Âu khuyến cáo 11 nước Liên minh Châu Âu nên đưa đồng tiền duy nhất vào sử dụng ngày 1 tháng 1 năm 1999. Trong cùng ngày hôm đó, Viện tiền tệ Châu Âu (IME) cũng đã đưa ra kết luận



như vậy. Ngày 2 tháng 5 năm 1998, các nguyên thủ quốc gia của Liên minh Châu Âu 15 nước họp tại Bruxelles đã thông qua quyết định cuối cùng về danh sách (không thể thay đổi) các nước được đánh giá là đủ điều kiện để tham gia vào đồng euro, trên cơ sở các bản báo cáo của Ủy ban Châu Âu và của Viện tiền tệ Châu Âu. Giai đoạn 3 của Liên minh kinh tế và tiền tệ Châu Âu UEM đã thực sự bắt đầu ngày 1 tháng 1 năm 1999 với sự tham gia của Đức, Bỉ, Tây Ban Nha, Pháp, Ai-Len, Italia, Luxembourg, Áo, Hà Lan, Bồ Đào Nha và Phần Lan. Như vậy, cho đến năm 1998, chỉ có Hy Lạp và Thụy Điển là chưa đáp ứng được các tiêu chí hội nhập. Nhưng, đến ngày 1 tháng 1 năm 2001, Hy Lạp đã được tham gia vào đồng euro.

Ngày 1 tháng 9 năm 1998, Ngân hàng trung ương Châu Âu đã ký một thoả thuận với ngân hàng trung ương của các nước chưa tham gia euro. Thoả thuận này xoá bỏ Hệ thống tiền tệ Châu Âu và thành lập nên *MCE II* (đồng tiền chung Châu Âu II). Thoả thuận được ký kết nhằm duy trì sự ổn định của các đồng tiền tại các nước chưa tham gia vào giai đoạn 3 của Liên minh kinh tế và tiền tệ Châu Âu. MCE II dựa trên hệ thống các tỷ giá cứng, với một mức dao động là  $\pm 15\%$  so với tỷ giá cứng cùng với cơ chế can thiệp của các ngân hàng trung ương vào mức dao động này.

- *Ngày 1 tháng 1 năm 1999*: ấn định tỷ giá quy đổi không thể thay đổi. Các quy định liên quan đến việc đưa đồng euro vào sử dụng bắt đầu có hiệu lực. Xác định và thực hiện chính sách tiền tệ bằng đồng euro và tiến hành các hoạt động hối đoái bằng đồng euro. Phát hành công trái mới bằng đồng euro.
- *Chậm nhất là vào ngày 1 tháng 1 năm 2002*: đưa ra lưu hành đồng euro dưới hình thức tiền giấy (Hệ thống các ngân hàng trung ương Châu Âu SEBC) và tiền xu (các nước thành viên), đồng thời thu hồi các đồng tiền quốc gia đang được lưu hành.
- *Chậm nhất là ngày 1 tháng 7 năm 2002*: xoá bỏ tỷ giá theo quy định của các đồng tiền quốc gia. Điều đó có nghĩa là giai đoạn song tồn của đồng euro và các đồng tiền quốc gia rất ngắn (tối đa là 6 tháng). Do đó, các ngân hàng không phải đối mặt với những khó

khả liên quan đến chi phí và hành chính nặng nề vì phải thực hiện đồng thời hai cơ chế kế toán.

Vương quốc Anh và Đan Mạch có thể quyết định sau này về việc có tham gia vào giai đoạn cuối cùng của Liên minh kinh tế và tiền tệ Châu Âu hay vẫn muốn giữ lại đồng tiền riêng và chính sách tiền tệ riêng của họ (điều khoản ngoại lệ).

Hai cơ quan có thẩm quyền can thiệp vào giai đoạn cuối cùng của Liên minh kinh tế và tiền tệ Châu Âu (UEM) là Ngân hàng trung ương Châu Âu (BCE) và Hệ thống các ngân hàng trung ương (SEBC).

BCE có thẩm quyền đặc biệt cho phép quyết định việc phát hành tiền giấy euro trên khắp lãnh thổ của Liên minh. BCE quản lý khối tiền tệ bằng đồng euro, do đó phải có trách nhiệm đảm bảo sự ổn định của đồng tiền này. BCE có trụ sở tại Francfort và là một thiết chế độc lập.

SEBC gồm BCE và các ngân hàng trung ương của tất cả các nước thành viên. SEBC được đặt dưới sự lãnh đạo của các cơ quan ra quyết định của BCE và có chức năng chủ yếu là đảm bảo sự ổn định giá cả trong lòng Liên minh. SEBC quyết định chính sách tiền tệ của Liên minh và tiến hành các hoạt động hối đoái (chỉ là việc quản lý hối đoái, vì việc quyết định chính sách hối đoái thuộc thẩm quyền của Hội đồng Liên minh Châu Âu). Đồng thời, SEBC còn được giao nhiệm vụ duy trì và quản lý nguồn dự trữ của các nước thành viên.

## Chương 13

# Ngân sách Liên minh Châu Âu (số liệu năm 2000)

Sự vận hành và các hoạt động cụ thể của Liên minh Châu Âu được cấp vốn từ năm nguồn ngân sách chủ yếu:

- Ngân sách hoạt động của Cộng đồng Than Thép Châu Âu CECA (cho đến khi cộng đồng này chấm dứt hoạt động vào năm 2001) bao gồm các khoản chi cho hoạt động và các khoản trợ cấp đầu tư, trợ cấp cho việc tái thích nghi và cho nghiên cứu của CECA;
- *Ngân sách chung của Liên minh Châu Âu* bao gồm các khoản chi hành chính của CECA cùng với các khoản thu tương ứng, các khoản thu chi của Cộng đồng Châu Âu (CE) và của Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu (Euratom);
- Ngân sách của Cơ quan cung ứng CECA;
- Ngân sách của Quỹ hợp tác tiền tệ Châu Âu;
- Ngân sách của Quỹ phát triển Châu Âu;

Các ngân sách trên đều được tính bằng đồng euro:  
*1euro = 6,55957 quan Pháp.*

## 1. Nguồn thu

Các khoản chi của Cộng đồng đã được cấp vốn, trong vòng hơn 15 năm, từ nguồn tài chính do các nước thành viên đóng góp. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1975, các khoản chi của Cộng đồng được đảm bảo từ các nguồn tự có bao gồm:

- Các khoản trích khấu khi nhập khẩu nông sản + các khoản đóng góp từ ngành công nghiệp sản xuất đường và các chất làm ngọt có nguồn gốc thực vật (2,5%);
- Thuế nhập khẩu (13,9%);
- Nguồn thu thuế giá trị gia tăng (36,7%);
- Nguồn thu bổ sung GDP (48,5%);

Ngày nay, các nguồn tự có chiếm tới 99,2% tổng số các nguồn thu của Liên minh Châu Âu. Số 0,8% còn lại chủ yếu đến từ các loại lệ phí, thuế khác nhau trong Liên minh, từ nguồn thu trong hoạt động hành chính của các thiết chế, các khoản vay và thu từ lãi cho vay.

## 2. Chi

Trong năm 2000, ngân sách chung của Liên minh Châu Âu lên tới 89,4 tỷ euro. Trong năm 1997, ngân sách đã được xem như ổn định lần đầu tiên trong vòng 40 năm (+0,5% so với năm 1996), như thể Liên minh Châu Âu đã tự áp đặt cho mình những nguyên tắc chặt chẽ về ngân sách như đã áp đặt đối với các nước thành viên nhằm đi tới thực hiện Liên minh kinh tế và tiền tệ.

- Chi hành chính: 5%
- Chi hoạt động: 95%, trong đó:
  - Chính sách ủng hộ các thị trường nông sản: 46,4%

- Chính sách phát triển vùng (quỹ cơ cấu): 35,8%
- Đào tạo, văn hoá, nghe nhìn, hoạt động xã hội: 0,8%
- Năng lượng, môi trường, kiểm soát an ninh nguyên tử: 0,2%
- Bảo vệ người tiêu dùng, thị trường nội địa, công nghiệp, các mạng lưới xuyên Châu Âu: 1,1%
- Nghiên cứu, phát triển công nghệ: 4%
- Hoạt động bên ngoài Liên minh Châu Âu: 6,1%
- Chính sách đối ngoại và an ninh chung: 0,03%
- Bảo đảm, dự trữ, cân đối ngân sách: 0,2%

Từ năm 1998, một hệ thống quản lý các khoản chi đã được thực hiện dưới dạng “triển vọng tài chính”, trong đó chỉ ra mức tối đa và cơ cấu các khoản chi được dự kiến cho từng giai đoạn kéo dài nhiều năm:

- Gói chi Delors I (1988-1992).
- Gói chi Delors I (1993-1999).
- Gói chi Prodi (2000-2006).

Phần chi trong ngân sách chung của Liên minh Châu Âu được phân biệt thành các khoản chi bắt buộc và các khoản chi không bắt buộc. Hội đồng Châu Âu có quyền quyết định cuối cùng về các khoản chi bắt buộc (như các khoản chi hỗ trợ thị trường nông sản chẳng hạn), trong khi Nghị viện Châu Âu có quyền quyết định cuối cùng đối với các khoản chi không bắt buộc (như các khoản chi liên quan đến chính sách phát triển vùng).

### 3. Đóng góp của các nước thành viên vào ngân sách của Liên minh Châu Âu thông qua các nguồn tự có

- Đức: 25,9%
- Pháp: 17,2%
- Vương quốc Anh: 13,6% (nước này được hưởng một cơ chế bù trừ)
- Italia: 13,1%

Như vậy, riêng bốn nước này đã mang lại hơn 70% các nguồn thu cho Liên minh Châu Âu.

Còn lại theo thứ tự đóng góp là Tây Ban Nha (7,3%), Hà Lan (6%), Bỉ (3,8%), Thụy Điển (2,8%), Áo (2,6%), Đan Mạch (2%), Hy Lạp (1,6%), Phần Lan (1,5%), Bồ Đào Nha (1,4%), Ai-len (1,1%), Luxembourg (0,2%).

### 4. Gian lận làm thâm hụt nguồn thu ngân sách Liên minh Châu Âu

Năm 1995, việc gian lận làm thâm hụt nguồn thu ngân sách của Liên minh Châu Âu được các nước thành viên phát hiện đã lên tới 618 triệu euro, chiếm 0,73% tổng số ngân sách (chưa tính đến các khoản gian lận đã được Liên minh truy thu).

## Chương 14

# Bảng tổng kết

Sau đây là bảng tổng kết các đóng góp cơ bản của bốn lần sửa đổi, bổ sung các hiệp ước của Liên minh. Với Định ước Châu Âu duy nhất, Hiệp ước Maastricht 1992, Hiệp ước Amsterdam 1997 và Hiệp ước Nice ngày 26 tháng 2 năm 2001 (còn chưa được phê chuẩn), trong bảng này có nêu ra các mục tiêu đã được đề ra, các phương tiện được sử dụng để thực hiện những mục tiêu đó, các cuộc cải cách thiết chế, những thay đổi về thẩm quyền và vấn đề tài chính.

	Đỉnh ước Châu Âu duy nhất (1986)	Hiệp ước Maastricht (1992)	Hiệp ước Amsterdam (1997)	Hiệp ước Nice (1997)
Mục tiêu chủ đạo	Xây dựng xong thị trường chung chậm nhất ngày 31.12.1992	Thực hiện Liên minh kinh tế và tiền tệ chậm nhất ngày 1.1.1999	Không để ra mục tiêu chủ đạo mà chỉ tập trung củng cố các thành tựu đã đạt được	Thực hiện thành công công cuộc cải cách hệ thống thiết chế và cơ chế ra quyết định nhằm chuẩn bị mở rộng Liên minh ra hướng Đông.
Phương tiện được sử dụng để hiện những tiến bộ mới trong quá trình hội nhập	- Phương tiện pháp lý: gần 300 đề xuất xây dựng chi thị (Sách trắng năm 1985) - Phương tiện tài chính: cải cách các quỹ cơ cấu (chính sách vùng) năm 1988	- Phương tiện chính trị: tư cách công dân Châu Âu (quyền ứng cử và bầu cử vào các cơ quan dân cử Châu Âu và địa phương, quyền tự do đi lại và lưu trú, quyền khiếu nại, quyền trung cấu trung gian hoà giải, bảo hộ ngoại giao) - Nguyên tắc bổ trợ.	- Tăng cường tư cách công dân Châu Âu (Nhà nước pháp quyền, các quyền tự do cơ bản, dân chủ, bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử...) - Đấu tranh chống nạn thất nghiệp: chính sách việc làm - Treo quyền của nước thành viên đã vi phạm các quyền cơ bản	- Tăng cường dân chủ, thông qua việc tuyên bố "Hiến chương về các quyền cơ bản", thiết lập một cơ chế giám sát và cảnh báo để ngăn ngừa sự vi phạm các nguyên tắc cơ bản, đồng thời với việc xác định quy chế cho các đảng phái chính trị ở cấp độ Châu Âu; - Cải thiện hệ thống tài phán của Liên minh



	<b>Định ước Châu Âu duy nhất (1986)</b>	<b>Hiệp ước Maastricht (1992)</b>	<b>Hiệp ước Amsterdam (1997)</b>	<b>Hiệp ước Nice (1997)</b>
<b>Cải cách thiết chế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường thẩm quyền của Ủy ban, do uỷ quyền của Hội đồng</li> <li>- Thừa nhận sự tồn tại của Hội đồng Châu Âu</li> <li>- Tăng thêm trường hợp bỏ phiếu quyết định theo cơ chế đa số tuyệt đối</li> <li>- Thiết lập cơ chế hợp tác</li> <li>- Kết nạp thêm thành viên mới phải có ý kiến thuận của Nghị viện Châu Âu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập ba "trụ cột hợp tác"</li> <li>- Hội đồng Châu Âu, mẫu chốt chính trị của toàn hệ thống</li> <li>- Mở rộng trường hợp áp dụng đa số tuyệt đối</li> <li>- Tăng cường cơ chế hợp tác và đồng quyết</li> <li>- Trung gian hoà giải Châu Âu</li> <li>- Thành lập Ủy ban các vùng</li> <li>- Tăng cường quyền hạn của Tòa kiểm toán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng thẩm quyền của chủ tịch Ủy ban Liên minh</li> <li>- Ủy viên duy nhất đại diện cho nước thành viên theo nhiệm kỳ</li> <li>- Đại diện cấp cao của PESC (tổng thư ký của Hội đồng)</li> <li>- Mở rộng trường hợp áp dụng đa số tuyệt đối</li> <li>- Tăng cơ chế đồng quyết, đã được đơn giản hoá</li> <li>- Tăng trường hợp áp dụng thủ tục lấy ý kiến thuận</li> <li>- Nghị viện Châu Âu: giới hạn số nghị sỹ tối đa là 700</li> <li>- Ủy ban kinh tế - xã hội và Ủy ban các vùng được tham khảo ý kiến nhiều hơn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp, Đức, Anh, Italia và Tây Ban Nha sẽ chỉ còn một uỷ viên duy nhất kể từ năm 2005. Sau khi được mở rộng, Liên minh sẽ ra quyết định ấn định số lượng thành viên của Ủy ban Liên minh Châu Âu, trong mọi trường hợp không vượt quá 26 uỷ viên</li> <li>- Thẩm quyền của chủ tịch Ủy ban Liên minh Châu Âu sẽ được tăng cường</li> <li>- Cơ chế phân bổ đầu phiếu trong Hội đồng sẽ được thay đổi kể từ ngày 1.1.2005</li> <li>- Tăng cường áp dụng đa số tuyệt đối</li> <li>- Số nghị sỹ trong Nghị viện sẽ được ấn định tối đa</li> </ul>

## Chương 15

# Nguồn của pháp luật cộng đồng Châu Âu

Các nguồn của pháp luật Cộng đồng Châu Âu bao gồm toàn bộ các quy phạm pháp luật tạo cơ sở để xây dựng Cộng đồng Châu Âu, gồm có:

- Các Hiệp ước và các văn bản tương tự, hay còn gọi là nguồn luật gốc;
- Các văn bản do các thiết chế của Liên minh Châu Âu thông qua, hay văn bản phái sinh;
- Các hiệp ước ký kết với nước ngoài (hiệp ước được ký kết giữa Cộng đồng với các nước thứ ba);
- Án lệ.

### 1. Nguồn luật gốc

- Hiệp ước CECA (được sử dụng làm nguồn cho đến khi Hiệp ước này hết hiệu lực), Hiệp ước CE và Hiệp ước Euratom + Định ước Châu Âu duy nhất + Hiệp ước Maastricht và Hiệp ước Amsterdam.
- Hiệp ước “sáp nhập” các cơ quan chấp hành năm 1965.
- Các hiệp ước về ngân sách từ năm 1970 đến năm 1975.
- Các quyết định về “nguồn tự có”.

- Các hiệp ước kết nạp thành viên mới.
- Các tuyên bố và nghị định thư kèm theo các hiệp ước trên.

## 2. Nguồn luật phái sinh

Cần phân biệt các văn bản có hiệu lực áp dụng bắt buộc và các văn bản không có hiệu lực áp dụng bắt buộc.

### a) Các văn bản có hiệu lực áp dụng bắt buộc (điều 249)

- **Quy định:** Có hiệu lực chung (không phải là văn bản cá biệt) và tất cả các quy định trong đó đều có hiệu lực áp dụng bắt buộc (văn bản loại này quy định đồng thời mục tiêu cần thực hiện và các phương tiện để thực hiện mục tiêu đó). Phạm vi áp dụng của Quy định rất rộng, chủ yếu được sử dụng để tổ chức những vấn đề đã được “cộng đồng hoá” ở mức độ chặt chẽ. Quy định có hiệu lực áp dụng trực tiếp tại các nước thành viên Liên minh Châu Âu (hiệu lực áp dụng trực tiếp-xem chương 16).

Quy định của Liên minh Châu Âu là văn bản có nhiều điểm giống với văn bản luật của Pháp nhất. Hiệu lực của Quy định phụ thuộc vào việc công bố trên công báo của Liên minh Châu Âu (Quy định có hiệu lực vào ngày được quy định trong văn bản, nếu không có quy định trước về ngày có hiệu lực thì hiệu lực của Quy định bắt đầu từ ngày thứ 20 kể từ khi được công bố).

- **Chỉ thị:** Chỉ có hiệu lực áp dụng bắt buộc đối với những đối tượng được chỉ định trong văn bản (một nước thành viên, nhiều nước thành viên hoặc tất cả các nước thành viên) trong đó chỉ nêu ra mục tiêu cần thực hiện (trên nguyên tắc, nước thành viên có toàn quyền tự do xác định phương tiện thực hiện mục tiêu đó). Chỉ thị là công cụ hay được sử dụng nhất để thực hiện thị trường nội địa. Chỉ thị chỉ có hiệu lực áp dụng trực tiếp với quốc gia thành viên khi hội đủ một số điều kiện nhất định (xem chương 18): các điều khoản trong chỉ thị chỉ có hiệu lực áp dụng trực tiếp nếu đó là những quy định

“vô điều kiện” và “cụ thể”, và chỉ áp dụng đối với các tranh chấp “theo chiều dọc” (một cá nhân với một nước thành viên), trong trường hợp quy định của chỉ thị không được chuyển hoá vào nội luật hoặc được chuyển hoá không chính xác.

Đối với các chỉ thị mà đối tượng áp dụng là tất cả các nước thành viên hoặc những chỉ thị được thông qua theo cơ chế đồng quyết với Nghị viện Châu Âu, thì điều kiện để có hiệu lực cũng giống như điều kiện có hiệu lực của các Quy định. Đối với các chỉ thị còn lại, thời điểm có hiệu lực phụ thuộc vào thời điểm văn bản được tổng đạt cho những đối tượng có liên quan. Nếu không được công bố hay không được tổng đạt, chỉ thị không bị vô hiệu mà chỉ không có giá trị áp dụng đối với đối tượng không được thông báo hay tổng đạt.

- **Quyết định:** Chỉ có hiệu lực áp dụng bắt buộc đối với đối tượng được chỉ định trong văn bản (tất cả hoặc một vài nước thành viên, các doanh nghiệp hay các cá nhân). Tất cả các quy định trong quyết định đều có hiệu lực áp dụng bắt buộc đối với các đối tượng mà nó chỉ định. Hiệu lực áp dụng trực tiếp của các quyết định mà đối tượng phải thi hành là tư nhân cũng được mở rộng như hiệu lực của các Quy định, trong khi đó các quyết định mà đối tượng áp dụng là các nước thành viên thì điều kiện để quyết định có hiệu lực giống như chỉ thị.

Điều kiện có hiệu lực của các quyết định được thông qua theo cơ chế đồng quyết với Nghị viện Châu Âu giống như các điều kiện có hiệu lực áp dụng của các Quy định. Các quyết định còn lại chỉ có hiệu lực khi đã được tổng đạt cho những người phải thi hành. Quyết định không được công bố hay không được tổng đạt thì không có giá trị áp dụng đối với người (hoặc những người) phải thi hành.

## **b) Các văn bản không có hiệu lực áp dụng bắt buộc**

Một số loại văn bản này đã được quy định trong các hiệp ước (như *khuyến nghị, ý kiến*). Một số khác lại được hình thành trong thực tiễn hoạt động của các thiết chế (người ta gọi đó là những văn bản “ngoài danh mục” hay văn bản không tên) dưới nhiều hình thái và tên gọi khác nhau

nhu: *chương trình, nghị quyết, tuyên bố, thỏa thuận, thông báo quyết định, bộ luật ứng xử, kết luận, Sách trắng hay Sách xanh*. Trong Liên minh Châu Âu, các văn bản đó thể hiện cái gọi là “*luật mềm*” và trên nguyên tắc không có hiệu lực áp dụng bắt buộc. Tuy nhiên, nếu ý định của các nước ký kết là muốn ràng buộc nhau (đó là trường hợp Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu và Tòa sơ thẩm Liên minh Châu Âu) thì các văn bản đó sẽ được coi là nguồn pháp luật như những nguồn khác (sẽ có hiệu lực áp dụng bắt buộc).

*Lưu ý: Nói chung, bản chất của một văn bản không phụ thuộc vào tên gọi mà phụ thuộc vào nội dung văn bản. Tòa án của Liên minh châu Âu sẽ không ngăn ngại “đặt lại tên” cho một văn bản có tên gọi không phù hợp với nội dung và huỷ hoặc tuyên bố văn bản vô hiệu nếu văn bản đó đã được thông qua theo một thủ tục không phù hợp với bản chất thực sự của văn bản.*

### 3) Nguồn luật điều ước

Là các điều ước hay Hiệp định quốc tế được ký kết giữa Liên minh Châu Âu và các nước thứ ba (gọi là các *hiệp định với bên ngoài*), và cả các điều ước, ký kết giữa các nước thành viên với nhau (gọi là *điều ước giữa các quốc gia*).

*Điều ước hỗn hợp* là các điều ước do Liên minh Châu Âu, với tư cách là một bên ký kết, phối hợp với các nước thành viên trong Liên minh ký kết với bên ngoài, vì các điều ước đó liên quan đến những vấn đề đồng thời thuộc thẩm quyền của Liên minh và thẩm quyền của các nước thành viên.

### 4) Nguồn án lệ

Đó là các quyết định, phán quyết do Tòa án cộng đồng Châu Âu và Tòa sơ thẩm cộng đồng Châu Âu đưa ra. Như vậy, Tòa án cộng đồng Châu Âu là cơ quan thừa nhận sự tồn tại của “*các nguyên tắc chung của pháp luật cộng đồng Châu Âu*”.

**Lưu ý:** Công báo của cộng đồng Châu Âu gồm hai thể loại khác nhau: loại "L" chứa các văn bản có hiệu lực áp dụng bắt buộc; loại "C" gồm các văn bản không có hiệu lực áp dụng bắt buộc, các câu hỏi của Nghị viện châu Âu chất vấn cho các thiết chế khác của Liên minh Châu Âu cùng với các văn bản phúc đáp, và các thông tin khác.

# Chương 16

## Trật tự các quy phạm pháp luật

### 1. Nguồn luật gốc

*Hiệp ước thành lập các Cộng đồng (CECA, CE, CEEA)*

*Hiệp ước sửa đổi và bổ sung các Hiệp ước thành lập*

*Hiệp ước về việc kết nạp thành viên mới*

### 2. Các nguyên tắc chung của pháp luật cộng đồng Châu Âu

### 3. Các điều ước ký với các nước ngoài liên minh Châu Âu

*(kể cả các điều ước hỗn hợp)*

### 4. Điều ước do các nước thành viên ký kết với nước không phải thành viên liên minh Châu Âu

### 5. Pháp luật phái sinh của cộng đồng Châu Âu

*Pháp luật phái sinh cấp độ 1 (văn bản cơ sở)*

*Quy định, chỉ thị, quyết định*

*Pháp luật phái sinh cấp độ 2 (văn bản thi hành)*

*Quy định, chỉ thị, quyết định*

### 6. Điều ước giữa các nước thành viên

## Chương 17

# Đặc tính của pháp luật cộng đồng Châu Âu

Pháp luật cộng đồng Châu Âu có ba đặc tính: hiệu lực áp dụng ngay, hiệu lực áp dụng trực tiếp và giá trị pháp lý cao hơn nội luật quốc gia thành viên.

### 1. Hiệu lực áp dụng ngay (hay còn gọi là khả năng áp dụng ngay)

Quy phạm của cộng đồng Châu Âu tự động được đưa vào trật tự pháp lý trong quốc gia của các nước thành viên mà không cần thông qua một quy phạm quốc gia nhằm chuyển hoá các quy phạm đó vào trong nội luật (thuyết nhất nguyên luận).

*Lưu ý:* Việc chỉ thị của cộng đồng Châu Âu phải được chuyển hoá vào trong nội luật không có nghĩa là các chỉ thị không có hiệu lực áp dụng ngay. Chuyển hoá một chỉ thị vào nội luật nghĩa là hướng dẫn thi hành chỉ thị thông qua các biện pháp trong nước, giống như văn bản luật của Pháp đã có hiệu lực thi hành nhưng vẫn cần văn bản hướng dẫn thi hành. Việc chuyển hoá vào nội luật không nhằm mục đích “nhập” chỉ thị của cộng đồng Châu Âu vào trong nội luật mà là nhằm xác định các phương tiện ở cấp độ quốc gia để thực hiện các mục tiêu đã được quy định trong chỉ thị, ở cấp độ cộng đồng Châu Âu.

### 2. Hiệu lực áp dụng trực tiếp (hay khả năng áp dụng trực tiếp)

Trong một số điều kiện nhất định, quy phạm của cộng đồng Châu Âu có thể trực tiếp làm phát sinh một số quyền hoặc nghĩa vụ cho các cá nhân và cá nhân có thể viện dẫn trước toà án ở nước mình.



Như vậy, *tính có thể viện dẫn* của pháp luật cộng đồng Châu Âu (tức là việc một cá nhân có thể viện dẫn quy phạm pháp luật của cộng đồng Châu Âu trước toà án của nước mình) chính là một hệ quả của hiệu lực áp dụng trực tiếp: vì quy phạm pháp luật cộng đồng đã trao cho qui định của pháp luật cộng đồng để khiếu kiện họ một số quyền nên họ có thể yêu cầu toà án bảo vệ quyền đó cho họ.

Quy phạm pháp luật cộng đồng Châu Âu chỉ có hiệu lực áp dụng trực tiếp khi thoả mãn ba tiêu chí sau đây:

- Quy phạm phải *rõ ràng*: toà án trong nước không thể có nghi ngờ gì về nội dung cũng như phạm vi của nghĩa vụ đối với nước thành viên hay quyền dành cho người khiếu kiện;
- Quy phạm phải *vô điều kiện*: việc áp dụng quy phạm không bị phụ thuộc vào một điều kiện đặc biệt nào;
- Quy phạm phải *“hoàn thiện về mặt pháp lý”* hay “đủ cụ thể để thi hành ngay” (bản thân quy phạm đó đã đủ cụ thể để thi hành ngay không cần phải ban hành văn bản hướng dẫn thi hành, dù là văn bản của cộng đồng hay văn bản hướng dẫn của nước thành viên).

Một số quy phạm của cộng đồng Châu Âu (ví dụ các chỉ thị) chỉ có thể có hiệu lực áp dụng trực tiếp theo chiều dọc, nghĩa là chỉ có thể được viện dẫn bởi một cá nhân chống lại một nước thành viên; một số khác (ví dụ các Quy định) còn có cả hiệu lực áp dụng trực tiếp theo chiều ngang, nghĩa là có thể được viện dẫn bởi một cá nhân để chống lại một cá nhân khác.

Cùng với khả năng có thể viện dẫn của các chỉ thị dựa trên nguyên tắc hiệu lực áp dụng trực tiếp, còn có một khả năng viện dẫn khác gọi là *“yêu cầu giải thích”*, cho phép công dân trong Liên minh có quyền yêu cầu toà án nước mình giải thích pháp luật trong nước đúng theo quy định của chỉ thị.

### 3. Giá trị pháp lý cao hơn nội luật

Pháp luật của cộng đồng Châu Âu có giá trị pháp lý cao hơn nội luật của các nước thành viên, điều đó có nghĩa là trong trường hợp có xung đột giữa một quy định pháp luật cộng đồng với một quy định pháp luật trong nước thì quy phạm trong nước sẽ không được áp dụng mà phải áp dụng quy phạm cộng đồng.

Giá trị pháp lý của pháp luật cộng đồng cao hơn nội luật đã được Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu tại Luxembourg thừa nhận trong một phán quyết nổi tiếng là phán quyết *Van Gend en Loos* (năm 1963) và *Costa cl ENEL* (1964).

Đối với Tòa án cộng đồng Châu Âu, pháp luật cộng đồng Châu Âu có giá trị cao hơn so với toàn bộ pháp luật của các nước thành viên, kể cả quy phạm hiến định (*phán quyết Handelsgesellschaft quốc tế* năm 1970).

Đối với trường hợp của Pháp, các tòa án quốc gia của nước này không chấp nhận giá trị pháp lý của pháp luật cộng đồng cao hơn so với Hiến pháp, vì các hiệp ước của Liên minh Châu Âu chỉ có hiệu lực trong trật tự pháp lý trong nước theo quy định của điều 55 của Hiến pháp (như vậy có thể nói rằng pháp luật Liên minh Châu Âu bắt buộc phải phù hợp với Hiến pháp).

*Ghi chú: Điều 55 của Hiến pháp Pháp trao cho Hội đồng bảo hiến thẩm quyền kiểm tra, giám sát từ trước tính hợp hiến của các điều ước quốc tế và việc phê chuẩn các điều ước không hợp hiến chỉ được thực hiện sau khi Hiến pháp đã được sửa đổi.*

Tuy nhiên, Pháp lại công nhận giá trị pháp lý của pháp luật cộng đồng cao hơn so với luật trong nước, từ năm 1975 đối với Tòa pháp án (*phán quyết cà-phê Jacques Vabre*) và từ năm 1989 đối với Tòa án hành chính tối cao (*phán quyết Nicolo*).

## Chương 18

# Khả năng viện dẫn các chỉ thị của cộng đồng Châu Âu trước toà án trong nước

Khi chỉ thị của cộng đồng Châu Âu không được một nước thành viên nào đó thực hiện đầy đủ, toà án của các nước thành viên có quyền và có nghĩa vụ áp dụng trực tiếp quy định trong chỉ thị chống lại nước thành viên đó. Không thực hiện đầy đủ được hiểu là việc nước thành viên đó đã không chuyển hoá chỉ thị vào nội luật trong thời hạn quy định hoặc việc chuyển hoá đã được thực hiện nhưng không chính xác.

Trong trường hợp chỉ thị không được chuyển hoá vào nội luật đúng thời hạn quy định, nước thành viên đã vi phạm do “*lỗi không hành động*” và toà án trong nước có thể sử dụng khả năng “*viện dẫn tạm thời*” (nghĩa là vì thiếu quy định chuyển hoá vào nội luật, toà án tạm thời áp dụng trực tiếp quy định trong chỉ thị).

Nếu chỉ thị được chuyển hoá một cách không chính xác, tức là nước thành viên đó đã vi phạm do “*lỗi hành động*”, thì toà án trong nước có thể sử dụng khả năng “*viện dẫn thay thế*” hay “*viện dẫn loại trừ*” (toà án sẽ loại trừ các quy định chuyển hoá trong nội luật của nước này ra khỏi phần các căn cứ pháp lý để giải quyết vụ tranh chấp và thay thế bằng các quy định liên quan trong chỉ thị).

Vì trong cả hai trường hợp trên, nước thành viên đều bị phạt vì đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng, nên người ta còn nói đến khái niệm “*viện dẫn trừng phạt*”.

Như đã nói tại chương 17, quy định trong chỉ thị chỉ có thể được viện dẫn khi đáp ứng được các tiêu chí về hiệu lực áp dụng trực tiếp. Nếu quy định trong chỉ thị không đáp ứng được các tiêu chí trên thì chỉ có thể thực hiện quyền “*viện dẫn tối thiểu*”, xuất phát từ nguyên tắc về giá trị pháp lý cao hơn của pháp luật cộng đồng so với nội luật. Điều này cho phép công dân các nước thành viên Liên minh được quyền yêu cầu toà án trong nước:

- Giải thích luật trong nước phù hợp với quy định trong chỉ thị (xem chương 17);
- Không áp dụng những quy định trong nội luật có nội dung trái với chỉ thị của cộng đồng (“viện dẫn loại trừ”);
- Yêu cầu trách nhiệm của nước thành viên phạm lỗi (“viện dẫn khác phục lỗi”), nếu có liên quan đến những chỉ thị đặc thù có quy định về trách nhiệm.

Ngoài ra, chỉ thị chỉ có thể được viện dẫn trong các vụ tranh chấp “theo chiều dọc”, nghĩa là một cá nhân viện dẫn chống lại một Nhà nước, mà không được sử dụng để viện dẫn trong các vụ tranh chấp “theo chiều ngang”, nghĩa là giữa các cá nhân với nhau (trừ trường hợp viện dẫn nhằm mục đích giải thích luật trong nước). Tuy nhiên, Toà pháp án Pháp cũng đã áp dụng “theo chiều ngang” một chỉ thị của cộng đồng Châu Âu trong một vụ xét xử năm 1984.

Hơn nữa, chỉ thị chỉ có thể được viện dẫn khi đã hết thời hạn chuyển hoá vào nội luật. Trước khi hết thời hạn chuyển hoá, chỉ được viện dẫn các quy định rõ ràng và vô điều kiện trong chỉ thị mà không cần viện dẫn quy phạm chuyển hoá.

Trên thực tế, khi một cá nhân có khiếu kiện trước một toà án trong nước, vấn đề viện dẫn các chỉ thị của cộng đồng (dựa trên nguyên tắc hiệu lực áp dụng trực tiếp) chỉ được đặt ra trong sáu trường hợp sau đây:

## 1- Trước khi hết hạn chuyển hoá

1.1. *Nếu nước thành viên chưa thực hiện chuyển hoá:* chỉ thị của Liên minh không được viện dẫn, (kể cả viện dẫn để giải thích).

1.2. *Nếu nước thành viên đã thực hiện chuyển hoá chỉ thị một cách chính xác:* cũng không được viện dẫn chỉ thị (chỉ có văn bản chuyển hoá là có thể được viện dẫn trước toà án trong nước), trừ trường hợp viện dẫn nhằm mục đích giải thích.

1.3. *Nếu nước thành viên đã thực hiện chuyển hoá một cách không chính xác:* các quy định có hiệu lực áp dụng trực tiếp trong chỉ thị có thể được viện dẫn (“viện dẫn loại trừ/thay thế”). Toà án của nước thành viên sẽ loại trừ quy phạm đã chuyển hoá không chính xác ra khỏi căn cứ pháp lý để giải quyết vụ việc và áp dụng các quy định có hiệu lực áp dụng trực tiếp trong chỉ thị.

## 2- Sau khi hết hạn chuyển hoá

2.1. *Nếu nước thành viên chưa thực hiện chuyển hoá:* có thể viện dẫn các quy định có hiệu lực áp dụng trực tiếp trong chỉ thị (“viện dẫn sửa sai tạm thời”). Toà án của nước thành viên sẽ tạm thời bù lấp vào sự thiếu vắng các quy định chuyển hoá trong nước bằng cách áp dụng trực tiếp các quy định có hiệu lực áp dụng trực tiếp trong chỉ thị.

2.2. *Nếu nước thành viên đã thực hiện chuyển hoá chỉ thị một cách chính xác:* cũng không thể viện dẫn chỉ thị (chỉ có văn bản chuyển hoá là có thể được viện dẫn trước toà án của nước thành viên đó), trừ trường hợp viện dẫn nhằm mục đích giải thích.

2.3. *Nếu nước thành viên đã thực hiện chuyển hoá một cách không chính xác:* các quy định có hiệu lực áp dụng trực tiếp trong chỉ thị có thể được viện dẫn (“viện dẫn loại trừ” hay “viện dẫn thay thế”). Toà án trong nước sẽ loại trừ các quy định chuyển hoá trong nội luật của nước này ra khỏi phần các căn cứ pháp lý để giải quyết vụ tranh chấp và thay thế chúng bằng các quy định có hiệu lực áp dụng trực tiếp trong chỉ thị.

Đối với trường hợp nước Pháp, Toà án hành chính tối cao của nước này có quan điểm riêng đối với chỉ thị của cộng đồng, vì ngoài nguyên tắc “viện dẫn giải thích” theo tư tưởng của các thẩm phán Luxembourg, Toà án hành chính tối cao Pháp còn thừa nhận cả nguyên tắc “viện dẫn huỷ” với một nguyên tắc rất khác (ít nhất là trong giai đoạn hiện nay) so với nguyên tắc “viện dẫn sửa sai” do Toà án cộng đồng Châu Âu đưa ra.

### Toà án hành chính của Pháp chấp nhận

1- Huỷ văn bản hướng dẫn thi hành (ngay cả khi đó không phải là văn bản chuyển hoá) không tương thích với mục tiêu đề ra trong chỉ thị của Liên minh (Tòa án hành chính tối cao, ngày 28-9-1984, *Liên đoàn quốc gia các tổ chức bảo vệ động vật của Pháp và các nước có sử dụng tiếng Pháp*, Tuyển tập Lebon, trang 512; ngày 7-12-1984, *Liên đoàn các tổ chức bảo vệ thiên nhiên của Pháp*, Tuyển tập Lebon, trang 410; ngày 13-6-1997, *Hội bảo vệ các loài chim của Pháp*, Tập tin tức pháp luật hành chính AJDA 1997, trang 717; *Hiệp hội bảo vệ động vật hoang dã*, đơn yêu cầu số 137347; ngày 20-2-1998, *Thành phố Vaucresson và Hội đoàn các chủ sở hữu công viên Malmaison*, Tạp chí luật hành chính Pháp 1998, trang 431);

2- Buộc Chính phủ huỷ bỏ các quy định hướng dẫn thi hành không còn tương thích với mục tiêu đề ra trong chỉ thị khi đã hết thời hạn chuyển hoá (Tòa án hành chính tối cao, ngày 3-2-1989, *Công ty Alitalia*, Tuyển tập Lebon, trang 44; ngày 9-1-1995, *Bộ trưởng Ngân sách chống lại Công ty cổ phần Les Vins de la Craffe*, Tạp chí luật Pháp 2/95, số 159 và 283; ngày 30-12-1996, *Hiệp hội y tá quốc gia*, Tạp chí luật hành chính Pháp 1997, trang 212). Tuy nhiên, án lệ này không thể chuyển hoá thành văn bản cá thể là nguồn của pháp luật (Tòa án hành chính tối cao, ngày 26-2-1996, *Land de Sarre, D.A.*, tháng 4-1996, comm. 195);

3- Chỉ ra tính chất bất hợp pháp của các văn bản chuyển hoá của Chính phủ không phù hợp với mục tiêu đề ra trong chỉ thị (Tòa án hành chính tối cao, ngày 8-12-1991, *Palazzi*, Tập tin tức pháp luật hành chính AJDA 1991, trang 827 và JCP, 1992, án lệ số 21870; TA Lyon, 25-11-1979, Stasi, Tuyển tập Lebon, trang 535);

4- Không áp dụng văn bản luật trong nước không phù hợp với mục tiêu đề ra trong các chỉ thị của cộng đồng (Tòa án hành chính tối cao, ngày 28-2-1992 *Rothmans và Philip Morris*, Tập tin tức pháp luật hành chính AJDA 1992, trang 210);

5- Kiểm tra tính phù hợp của các quy định trong một đạo luật so với mục tiêu đề ra trong các chỉ thị của cộng đồng, khi có khiếu nại về một quyết định cá biệt (Tòa án hành chính tối cao, ngày 5-2-1997, *Elahi*, đơn số 161639);

6- Huỷ một văn bản hành chính cá biệt, nếu cơ sở pháp lý của nó không phù hợp với mục tiêu đề ra trong chỉ thị (bản án vụ *Rothmans và Philip Morris* nêu trên).

Năm 1978, Tòa án hành chính tối cao đã nhận định “dù có rõ ràng đến mấy, các chỉ thị của cộng đồng Châu Âu cũng không thể được các công dân trong Liên minh viện dẫn trong đơn khiếu nại của họ để chống lại một văn bản hành chính cá biệt” (Tòa án hành chính tối cao, ngày 22-12-1978, *Bộ trưởng nội vụ chống lại Cohn Bendit*, Tuyển tập Lebon, trang 524, về một quyết định trục xuất; có thể tham khảo thêm án lệ Tòa án hành chính tối cao, ngày 13-12-1985, *Zakine*, Tuyển tập Lebon, Tables, trang 750; Tòa án hành chính tối cao, ngày 19-4-1989, *Liota*, Luật hành chính, 1989, số 301).

Tuy nhiên, án lệ của Tòa án hành chính tối cao cũng đã tiến triển khá rõ ràng kể từ khi ra phán quyết *Cohn Bendit*, ngay cả khi án lệ về vấn đề này được coi là vẫn chưa ổn định: trên thực tế, trong khi một số quyết định cho ta cảm tưởng như thể Tòa hành chính vẫn chưa cho phép áp dụng chỉ thị của cộng đồng nếu chỉ thị đó chưa được chuyển hoá vào nội luật (phán quyết *Zakine* nêu trên; Tòa án hành chính Dijon, ngày 26-11-1996, *Sarl Sté nouvelle des Laboratoire Eurotonic*, D.F. 1997, số 26, comm. 746), thì trong một số quyết định khác lại cho ta cảm giác ngược lại (Tòa án hành chính tối cao, ngày 30-10-1996, *Revert và Badelon*, Tập tin tức pháp luật hành chính AJDA 1996, trang 1044; Tòa án hành chính Strasbourg, ngày 23-5-1997, *Société Lyonnaise des eaux*, Tập tin tức pháp luật hành chính AJDA 1997, trang 719; Tòa án hành chính tối cao, ngày

6-2-1998, *M. Tete, Hiệp hội bảo vệ miền Tây Lyon*, Tạp chí luật hành chính Pháp RFDA 1998, trang 420; ngày 20-5-1998, *Communauté de communes du Piémont de Barr et SDEA du Bas-Rhin*, Tạp chí luật hành chính Pháp RFDA 1998, trang 618).

Toà án hành chính tối cao cũng đã chỉ ra rằng các cơ quan có thẩm quyền lập quy không được ban hành văn bản hướng dẫn thi hành một quy định nằm trong một đạo luật chuyển hoá, nếu quy định đó không tương thích với mục tiêu đề ra trong chỉ thị đã có hiệu lực của cộng đồng (Tòa án hành chính tối cao, ngày 24-2-1999, *Assoc. Patients médecine d'orientation anthroposophique*, Tuyển tập Lebon, trang 29). Ngược lại, các cơ quan này không được từ chối áp dụng một đạo luật nếu đạo luật đó không trái với pháp luật cộng đồng (Tòa án hành chính tối cao, ngày 30-6-2000, *Hiệp hội "Choisir la vie"*, Tập tin tức pháp luật hành chính AJDA 2000, trang 729).

Cuối cùng, ngày 3 tháng 12 năm 1999, Toà án hành chính tối cao đã quy định rõ rằng các cơ quan có thẩm quyền ở mỗi nước là những cơ quan duy nhất có thẩm quyền quyết định phương thức thi hành các chỉ thị và xác định các phương tiện để thể hiện hiệu lực của chúng trong nội luật, nhưng **"các cơ quan này không được đưa ra quy định trái với mục tiêu đề ra trong các chỉ thị"** (Tòa án hành chính tối cao, ngày 3-12-1999, AOMSL, đơn số 1999622 và 2000124 - 2 phán quyết).



## Chương 19

# Các phương thức khiếu kiện theo quy định của pháp luật cộng đồng Châu Âu

Có rất nhiều phương thức khiếu kiện khác nhau được quy định trong các hiệp ước của Liên minh. Đã có nhiều cách phân loại các phương thức khiếu kiện đó nhưng không có cách nào được xem là thích đáng. Nếu không tính đến chức năng tư vấn của Tòa án cộng đồng Châu Âu (điều 300, phần 6 của Hiệp ước về Cộng đồng Châu Âu), có thể phân loại các phương thức khiếu kiện như sau:

- ***Khiếu kiện trực tiếp*** (khiếu kiện yêu cầu hủy văn bản, khiếu kiện về sự thiếu trách nhiệm, khiếu kiện về văn bản bất hợp pháp, khiếu kiện yêu cầu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, khiếu kiện về việc vi phạm nghĩa vụ...) và ***yêu cầu giải thích quy phạm trước khi áp dụng để giải quyết tranh chấp***;
- ***Khiếu kiện yêu cầu tòa giải quyết tranh chấp*** (khiếu kiện của công chức, khiếu kiện yêu cầu hủy văn bản, khiếu kiện về trách nhiệm bồi thường), khiếu kiện yêu cầu ***hủy văn bản***, khiếu kiện yêu cầu tuyên bố (về việc vi phạm nghĩa vụ, thiếu trách nhiệm, văn bản trái pháp luật) và ***yêu cầu giải thích quy phạm trước khi áp dụng để giải quyết tranh chấp***.

Chúng tôi xin trình bày các phương thức khiếu kiện được quy định trong Hiệp ước về Cộng đồng Châu Âu, đồng thời sẽ phân biệt các phương thức đó tùy theo đó là khiếu kiện hành vi của các thiết chế của cộng đồng, khiếu kiện hành vi của các nước thành viên hay khiếu kiện quyết định của

các cơ quan tài phán cộng đồng. Vì không thể coi việc yêu cầu giải thích quy phạm trước khi áp dụng để giải quyết tranh chấp là một phương thức giải quyết tranh chấp, cho nên một mình nó được xếp thành một phương thức riêng.

## 1. Các phương thức khiếu kiện hành vi (hành động hay không hành động) của các thiết chế cộng đồng

Hiệp ước quy định rằng Tòa án cộng đồng Châu Âu có thẩm quyền:

- **Hủy các văn bản bất hợp pháp** của các thiết chế cộng đồng (các điều 230, 231 và 233). Khiếu kiện yêu cầu hủy văn bản có thể được một nước thành viên, Ủy ban Châu Âu và Hội đồng thực hiện mà không cần phải có điều kiện gì. Ngoài ra, khiếu kiện này còn có thể được thực hiện bởi Nghị viện Châu Âu, Ngân hàng trung ương Châu Âu (để bảo vệ các đặc quyền của các thiết chế này) hay bởi một cá nhân (với điều kiện văn bản bị khiếu kiện phải trực tiếp liên quan đến bản thân cá nhân đó). Văn bản bị khiếu kiện có thể bị tuyên bố hủy do cơ quan ra quyết định đó không có thẩm quyền, do vi phạm các điều kiện về hình thức, do vi phạm quy định của hiệp ước hoặc các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện hiệp ước, hoặc do lạm quyền. Có thể hủy toàn bộ hoặc một phần văn bản. Quyết định hủy có hiệu lực hồi tố;
- **Xác nhận lỗi không thực hiện nghĩa vụ** của các thiết chế trong Liên minh (các điều 232 và 233). Lỗi không thực hiện nghĩa vụ được hiểu là việc một thiết chế nào đó của Liên minh có nghĩa vụ phải hành động, theo quy định của các hiệp ước, nhưng đã không hành động trong thời hạn quy định;
- Tuyên bố không áp dụng một quy định của cộng đồng vì lý do văn bản không hợp pháp (điều 241);
- Giải quyết các tranh chấp liên quan đến **nghĩa vụ bồi thường thiệt hại** do các thiết chế và nhân viên trong các cơ quan, thiết chế của cộng đồng gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ (điều 235 và

điều 288 đoạn 2). Khi cộng đồng gây thiệt hại cho người dân thì phải bồi thường thiệt hại đó nếu người bị hại chứng minh được thiệt hại, lỗi và mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và lỗi;

- Giải quyết *khiếu nại về các quyết định trừng phạt* do các thiết chế của cộng đồng áp dụng đối với cá nhân hoặc doanh nghiệp (điều 229) và đặc biệt là các quyết định trừng phạt do Uỷ ban áp dụng đối với một doanh nghiệp trong lĩnh vực cạnh tranh;
- Giải quyết *tranh chấp giữa cộng đồng với nhân viên của cộng đồng* (điều 236);
- Giải quyết tranh chấp căn cứ vào điều khoản thoả thuận trọng tài ghi trong các *hợp đồng* do cộng đồng ký kết hoặc ký kết vì lợi ích của cộng đồng (điều 238);
- Quyết định *hoãn thi hành một văn bản* đang bị khiếu nại và quyết định về những *biện pháp khẩn cấp tạm thời* khi xét thấy cần thiết (điều 243). Cấp thẩm là một thủ tục giải quyết khẩn cấp để đảm bảo cho quyết định giải quyết vụ việc chính sẽ được thực hiện trên thực tế, và đặc biệt là để tránh việc thực hiện ngay một văn bản đang tranh chấp có thể gây ra những thiệt hại không thể sửa chữa được cho người có đơn yêu cầu. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ được đưa ra khi đáp ứng đủ cả ba điều kiện: văn bản bị khiếu kiện có ảnh hưởng đến khối tài sản pháp định của người có đơn yêu cầu, đơn yêu cầu giải quyết vụ việc chính phải được xem là có căn cứ và phải có nguy cơ xảy ra một thiệt hại nghiêm trọng và không thể sửa chữa.

Trên nguyên tắc, chỉ có Chánh án Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu (hoặc Chánh án Tòa sơ thẩm cộng đồng Châu Âu) mới có thẩm quyền giải quyết đơn yêu cầu cấp thẩm. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quyết định bằng văn bản và phải có lý do chính đáng. Các quyết định này có thể bị kháng cáo.

## 2. Các phương thức khiếu kiện đối với hành vi (hành động hay không hành động) của các nước thành viên Liên minh

- Hiệp ước quy định Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu có thẩm quyền *xác nhận vi phạm* của các nước thành viên đối với nghĩa vụ của họ đối với cộng đồng (các điều 226, 227 và 228). Thủ tục xử lý vi phạm này có thể được thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban Châu Âu hoặc của bất cứ nước thành viên nào. Thủ tục được tiến hành theo hai giai đoạn: giai đoạn trước khi khởi kiện ra tòa (gửi đến nước thành viên có liên quan văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ, tiếp theo là một bản kiến nghị có nêu rõ lý do) và giai đoạn khởi kiện ra tòa (gửi đơn yêu cầu Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu xét xử). Nước thành viên bị Tòa án công lý cộng đồng kết án phải thi hành mọi điều khoản trong quyết định của Tòa án. Nếu không thi hành, Tòa án có thể mở một thủ tục xét xử nữa và nước thành viên đó có thể bị phạt tiền khoản một lần hoặc bị áp dụng phương thức phạt tiền bắt buộc được tính theo số ngày chậm thi hành quyết định của Tòa án.
- Trong khuôn khổ thủ tục giải quyết vi phạm của một nước thành viên, Thẩm phán của Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu có thể ra lệnh hoãn thi hành văn bản đang bị khiếu kiện (điều 242) và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nếu xét thấy cần thiết (điều 243).
- Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu còn có thẩm quyền giải quyết mọi tranh chấp giữa các nước thành viên có liên quan đến đối tượng của hiệp ước, nếu được yêu cầu theo thoả thuận giữa các bên (điều 239).

### **3. Yêu cầu toà án giải thích luật trước khi áp dụng để xét xử**

Theo quy định của Hiệp ước, Toà án công lý cộng đồng Châu Âu có thẩm quyền giải thích các hiệp ước, phúc đáp về hiệu lực của các văn bản do các thiết chế Liên minh ban hành và giải thích các văn bản đó (điều 234). Đây là một cơ chế hợp tác tư pháp giữa Toà án cộng đồng Châu Âu với toà án của các nước thành viên. Thủ tục này được tiến hành khi toà án của một nước thành viên quyết định hoãn xét xử một vụ tranh chấp mà mình đã thụ lý để hỏi Toà án cộng đồng Châu Âu về cách giải thích hoặc về hiệu lực của một quy định nào đó của cộng đồng, trước khi áp dụng quy định đó để giải quyết tranh chấp.

Như vậy, Toà án công lý cộng đồng Châu Âu cũng được tham gia giải quyết tranh chấp tại một nước thành viên, bằng cách đưa ra cho toà án của nước thành viên đó cách giải thích chính thức hoặc sự đánh giá về hiệu lực của một quy định trong pháp luật cộng đồng Châu Âu. Với câu trả lời của Toà án công lý cộng đồng, toà án của nước thành viên có thể tiếp tục tiến hành thủ tục giải quyết tranh chấp.

### **4. Các phương thức kháng cáo đối với quyết định của các Toà án cộng đồng Châu Âu**

Theo quy định trong hiệp ước, Toà án công lý cộng đồng Châu Âu có thẩm quyền giải quyết các đơn thư kháng cáo đối với quyết định của Toà sơ thẩm cộng đồng Châu Âu (điều 225). Đồng thời, Toà án công lý cộng đồng Châu Âu còn có thẩm quyền giải quyết:

- Khiếu nại của bị đơn đối với phán quyết xét xử vắng mặt của Toà án chống lại mình;
- Kháng cáo của người thứ ba, là các thiết chế cộng đồng, các nước thành viên hoặc bất cứ thể nhân hoặc pháp nhân nào, chống lại phán quyết của Toà án;

- Đơn yêu cầu của các bên hoặc của một thiết chế cộng đồng Châu Âu nếu chứng minh được mục đích của đơn yêu cầu, về việc giải thích các phán quyết của Tòa án;
- Đơn yêu cầu tái thẩm (thủ tục đặc biệt, cần phải có một sự kiện pháp lý mới mang tính quyết định).

*Ghi chú: Tòa sơ thẩm cộng đồng Châu Âu có thẩm quyền xét xử sơ thẩm mọi khiếu kiện của các cá nhân cũng như của các thể nhân. Tòa sơ thẩm không có thẩm quyền xét xử các khiếu kiện về việc xác nhận vi phạm nghĩa vụ và cũng không có thẩm quyền trong việc giải thích luật.*

Hiệp ước Nice ngày 26 tháng 2 năm 2001 quy định thêm thẩm quyền cho Tòa sơ thẩm trong việc:

- Giải thích luật trong những lĩnh vực chuyên biệt theo quy định trong quy chế của Tòa, đồng thời có thể chuyển yêu cầu giải thích cho Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu nếu việc giải thích đó có thể ảnh hưởng đến tính thống nhất và tính gắn bó của pháp luật cộng đồng Châu Âu. Văn bản giải thích luật của Tòa sơ thẩm có thể được Tòa án công lý cộng đồng xem xét lại nếu xét thấy có nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến tính thống nhất và tính gắn bó của hệ thống pháp luật cộng đồng Châu Âu;
- Giải quyết các khiếu kiện trực tiếp của các thiết chế hoặc các nước thành viên cộng đồng, trừ các khiếu kiện về việc vi phạm nghĩa vụ và các khiếu kiện mà quy chế quy định thuộc thẩm quyền của Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu hoặc các khiếu kiện được giao cho một phán toà. Tuy nhiên, bản quy chế được thông qua ở Nice vẫn duy trì nguyên tắc theo đó “các khiếu kiện của các thiết chế cộng đồng, của Ngân hàng trung ương và của các nước thành viên Liên minh châu Âu thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án công lý cộng đồng Châu Âu”.

## Chương 20

# Thủ tục tố tụng tại toà án cộng đồng Châu Âu (khiếu kiện trực tiếp)

Về cơ bản, thủ tục tố tụng cũng tương tự như thủ tục tố tụng tại Toà án thẩm cộng đồng Châu Âu.

### 1. Giai đoạn tố tụng bút ngữ

- Đơn yêu cầu xét xử được gửi lên Phòng lục sự. Chánh án Toà án công lý cộng đồng Châu Âu giao vụ việc cho một phân toà và chỉ định một thẩm phán - báo cáo viên
- Phòng lục sự tổng đạt đơn yêu cầu xét xử cho bị đơn: những yếu tố cơ bản trong đơn yêu cầu sẽ được đăng tải trên Công báo của Liên minh Châu Âu
- Bị đơn nộp bản tự bảo vệ: trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày được tổng đạt, trừ trường hợp được Chánh án gia hạn
- Nguyên đơn nộp bản phúc đáp (không bắt buộc)
- Bị đơn nộp bản đối đáp lại văn bản phúc đáp của nguyên đơn (không bắt buộc)
- Báo cáo sơ bộ của thẩm phán được chỉ định
- Các biện pháp thẩm cứu có thể được thực hiện (triệu tập các bên ra toà, yêu cầu cung cấp tài liệu, giám định, lấy lời khai nhân chứng...)

## 2. Giai đoạn tố tụng bằng lời

Thủ tục tố tụng bằng lời không còn mang tính bắt buộc từ khi quy định về tố tụng của Toà án công lý cộng đồng Châu Âu được sửa đổi ngày 16 tháng 5 năm 2000.

- Chánh án ấn định ngày mở phiên xét xử (bằng lời)
- Gửi cho các bên bản báo cáo về tiến trình tố tụng
- Mở phiên xét xử (trên nguyên tắc phải xét xử công khai): biện hộ, hỏi-đáp
- Kết luận của Công tố viên tại phiên xét xử công khai
- Chánh án tuyên bố kết thúc giai đoạn tố tụng bằng lời (có thể được mở lại nếu cần thiết)

## 3. Nghị án

Không có sự tham gia của Công tố viên, lục sự, nghị án bằng tiếng Pháp, trên cơ sở bản dự thảo phán quyết của thẩm phán - báo cáo viên.

## 4. Phán quyết

Được soạn bằng thứ tiếng đã sử dụng tại phiên xét xử công khai

*Lưu ý:*

- Chánh án Toà án công lý cộng đồng Châu Âu có thể ra lệnh *nhập vụ kiện* có cùng đối tượng tranh chấp bất cứ lúc nào, nhưng thông thường quyết định này được đưa ra khi thẩm phán - báo cáo viên trình báo cáo sơ bộ;
- **Phán quyết** được in trong tập án lệ của Toà (cùng với các bản kết luận của công tố viên) một vài tháng sau khi tuyên án, nhưng đã có **hiệu lực thi hành bắt buộc ngay từ ngày tuyên án;**



- Bất kỳ nước thành viên hoặc thiết chế nào cũng đều có quyền tham gia vào các vụ kiện có liên quan đến các nước thành viên hoặc các thiết chế khác. Bản nhận xét (văn bản ghi nhớ việc tham gia vụ kiện) của nước thành viên hoặc của thiết chế đó phải được nộp trong thời hạn do Chánh án ấn định. Nước thành viên hoặc thiết chế tham gia vụ kiện phải ủng hộ một trong các bên tranh chấp. Đơn yêu cầu tham gia phải được nộp trong thời hạn ba tháng kể từ ngày vụ kiện được thông báo trên công báo.

*Ghi chú: Các quyết định của Toà án công lý cộng đồng châu Âu và Toà sơ thẩm cộng đồng châu Âu được đăng theo thứ tự thời gian trên tập án lệ, phần 1 đăng các phán quyết của Toà án công lý cộng đồng châu Âu, phần 2 đăng các bản án của Toà sơ thẩm, khoảng năm tháng sau khi tuyên án, tức là sau thời gian cần thiết cho công việc dịch thuật và in ấn. Tuy nhiên, vẫn có thể có được những bản án mới in rõ-nê-ô.*

o O o

## MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	3
Danh mục một số từ viết tắt.....	5
Chương 1. Giới thiệu về địa - chính trị của Liên minh Châu Âu.....	9
Chương 2. Các mốc lớn trong tiến trình xây dựng Liên minh Châu Âu.....	13
Chương 3. Tư cách công dân Châu Âu.....	23
Chương 4. Mở rộng Liên minh Châu Âu.....	25
Chương 5. Các thiết chế của Liên minh Châu Âu.....	33
Chương 6. Chủ tịch Liên minh Châu Âu.....	37
Chương 7. Trụ sở của các thiết chế và các cơ quan của Liên minh Châu Âu.....	39
Chương 8. Quy trình ban hành quyết định của Liên minh Châu Âu.....	41
Chương 9. Cơ cấu tổ chức của Pháp trong khuôn khổ Liên minh Châu Âu.....	45
Chương 10. Sự tham gia của Nghị viện Pháp vào tiến trình ra quyết định của Liên minh Châu Âu.....	49
Chương 11. Chính sách và hành động của Liên minh Châu Âu.....	53

Chương 12. Liên minh kinh tế tiền tệ (UEM).....	63
Chương 13. Ngân sách liên minh Châu Âu (số liệu năm 2000).....	71
Chương 14. Bảng tổng kết.....	75
Chương 15. Nguồn của pháp luật cộng đồng Châu Âu.....	79
Chương 16. Trật tự các quy phạm pháp luật.....	85
Chương 17. Đặc tính của pháp luật cộng đồng Châu Âu.....	87
Chương 18. Khả năng viện dẫn các chỉ thị của cộng đồng Châu Âu trước toà án trong nước.....	91
Chương 19. Các phương thức khiếu kiện theo quy định của pháp luật cộng đồng Châu Âu.....	97
Chương 20. Thủ tục tố tụng tại Toà án cộng đồng Châu Âu (khiếu kiện trực tiếp).....	103

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN - 43 LÒ ĐÚC - HÀ NỘI**  
Chịu trách nhiệm xuất bản: **VŨ AN CHƯỜNG**

---

In tại Nhà in Tạp chí Cộng sản  
GPXB số: 291/QĐ - CXB  
Số lượng: 1.000 cuốn